

18:52

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G12
Round	3
Date	18
Board	1

WHITE Filippova, Milana				FID KAZ				RESULT (1)			
BLACK Duong Ngoc Nga				FID VIE				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Tb4	Xa8	41	He8	O1	1	Vh7	O1
2	Mb5	Na6	22	Tb4	Hh5	42	Xe4	O0	1	Xf5	O0
3	Tb5	Na6	23	Tb5	Xa8	43	He6	O0	1	Xf6	O1
4	Tb5	Na6	24	Me5	Xb6	44	Hg4	O0	1	Hf7	O1
5	eb	Na6	25	Xad1	Xf8	45	Xda	O0	1	h5	O1
6	Me5	Na6	26	Me4	Td8	46	He4	O1	1	Vh6	O1
7	O-O	Na6	27	Tb5	Td4	47	He3	O1	1	Vh7	O1
8	eb	Na6	28	Xe4	Td4	48	Xe4	O1	1	Xg6	O1
9	Ma4	O-O	29	He2	Tb5	49	Xe5	O1	1	Xf6	O1
10	b3	Na6	30	Vh1	Xe8	50	Xe7	O2	1	Hg6	O1
11	Tb2	Na6	31	Tb5	Xf8	51	He4	O2	1	Xf5	O1
12	Xe1	Na6	32	h3	c5	52	Xe6	O1	1	Hg5	O1
13	Me5	Na6	33	Tb2	Tf2	53	Xe5	O1	1	g6	O1
14	Xe5	Na6	34	Hf2	Xf6	54	Xe5	O1	1	Vh6	O1
15	Xe4	Na6	35	He2	Na6	55	He3	O2	1	Xf4	O1
16	Vh2	Na6	36	Xe8	Vh8	56	Xe4	O2	1		
17	Tb3	Na6	37	Hf7	Hf5	57			1		
18	Xe2	Na6	38	He5	Hg6	58			1		
19	f3	Na6	39	Xf8	Xf8	59			1		
20	Tb5	Na6	40	He5	Xf4	60			1		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G-12
Round	3
Date	18 07 2026
Board	1

WHITE Filippova Milana				FID KAZ				RESULT (1)			
BLACK Duong Ngoc Nga				FID VIE				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Be1	Re6	41	Qc3+	Kh7	1		
2	Nf3	Nc6	22	Bh4	Qh4	42	Re4	Rf4	1		
3	Bb5	e5	23	Bg3	Ra6	43	Qe6	Rf6	1		
4	Bxc6	bxc5	24	Nc5	Rh6	44	Qd4	Qe7	1		
5	d3	d5	25	Ka1	Rf8	45	Rxd4	h5	1		
6	Nc3	Ne7	26	Ne4	Bh8	46	Qe4+	Kh6	1		
7	O-O	Ng6	27	Bxe5	Bxc4	47	Qe3+	Kh7	1		
8	e5	Be7	28	Kxe4	Bg5+	48	Re4	Rd6	1		
9	Nd4	O-O	29	Qe2	Be3+	49	Re5	Rf6	1		
10	b3	e6	30	Kk1	Re8	50	Re7	Qd6	1		
11	Bb2	d4	31	Bg3	Rf8	51	Qe4	Rf5	1		
12	Re1	Exe5	32	h5	c5	52	Re6	Qd5	1		
13	Nxc5	Nxc5	33	Bf2	Bxf2	53	Re5	g6	1		
14	Bb6	Bb6	34	Qxf2	Rh6	54	Re7+	Kh6	1		
15	Qf6	Qf6	35	Qe2	h6	55	Qe3	Rf4	1		
16	e5	e4	36	Re8	Kh8	56	Re4		1		
17	Bd1	Bf5	37	Qc7	Qf4	57			1		
18	Re2	Qd6	38	Qe5	Qd6	58			1		
19	f3	Rf6	39	Rxf8	Rxf3	59			1		
20	Bxc5	bc7	40	Qxc5	Rc4	60			1		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 6/2
Round 3
Date 10.07.2026
Board 2

WHITE Masneva Tiana In				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Yang Youling				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	ef	Bf6	41					
2	Nf3	Nc6	22	Qg4	Qd7	42					
3	Bb5	a6	23	f5	Qg7	43					
4	Ba4	Nf6	24	fg	hg	44					
5	O-O	b5	25	Ra4	Ra6	45					
6	Bb3	Be7	26	Bd4	Bd4	46					
7	Re1	d6	27	cd	Re1	47					
8	c3	O-O	28	Re1	Bc8	48					
9	h3	Bb7	29	Qg5	Rb8	49					
10	d4	Re8	30	Re2	Qd4	50					
11	Nbd2	Bf8	31	Mh5	Bd7	51					
12	Nh1	g6	32	Qh6	gh	52					
13	Ng3	Bg7	33	Bh7	Mh7	53					
14	Bc2	d5	34	Qh7	Kf8	54					
15	de	Nes	35	Qf7#		55					
16	Nes	Res	36			56					
17	f4	Re8	37			57					
18	e5	Nd7	38			58					
19	Kh2	Nf8	39			59					
20	Be3	fg	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>WJ</i>				SIGNATURE (BLACK) Yang Youling				SIGNATURE (ARBITER) <i>zh</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 6/2
Round 3
Date 7.18
Board 2

WHITE Masneva Tiana In				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Yang Youling				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	af	Bxf6	41					
2	Nf3	Nc6	22	Qg4	Qd7	42					
3	Bb5	a6	23	f5	Qg7	43					
4	Ba4	Nf6	24	fg	hg	44					
5	O-O	b5	25	Ra4	Ra6	45					
6	Bb3	Be7	26	Bd4	Bd4	46					
7	Re1	d6	27	cd	Rxe1	47					
8	c3	O-O	28	Rxe1	Bc8	48					
9	h3	Bb7	29	Qg5	Rd6	49					
10	d4	Re8	30	Re7	Qxd4	50					
11	Nbd2	Bf8	31	Nh4	Bd7	51					
12	Nh1	g6	32	Qh6	gf	52					
13	Ng3	Bg7	33	Bh7	Nxh7	53					
14	Bc2	d5	34	Qxh7	Kh8	54					
15	de	Nxh5	35	Qf7#		55					
16	Nxh5	Rxe5	36			56					
17	f4	Re8	37			57					
18	e5	Nd7	38			58					
19	Kh2	Nf8	39			59					
20	Be3	fg	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>WJ</i>				SIGNATURE (BLACK) Yang Youling				SIGNATURE (ARBITER) <i>zh</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/9/2026

Group: G12
Round: 3
Board: 3

18:40

WHITE: Pooja Shree R				FED: IND				RESULT (0)			
BLACK: Peng Jingyi (GD)				FED:				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g4	e6	21	Rd1	31	Nb6	41	Pg7	33	Kf8
2	d4	g4	d5	22	Rg3	35	Nc4	42	Nc3	32	Rxc3
3	Nc3	g4	Nf6	23	Rh3	31	g6	43	brca	41	Qd1+
4	e5	g5	Nf7	24	Rg3	31	g5	44	Kb2	1	Qc2+
5	e4	g5	c5	25	Na2	24	e5	45	Ka1	1	Qa2+
6	Nf3	g6	Nc6	26	f5	23	g5	46			
7	Be2	g6	Be7	27	Nb4	15	d4	47			
8	Qd2	g6	0-0	28	h4	10	Ne3	48			
9	dxc5	g6	Bxc5	29	Rg1	7	a5	49			
10	0-0-0	g7	Qb6	30	Nxc6	7	Qxc6	50			
11	Bg1	g7	Bc9	31	hxc5	4	Rc8	51			
12	Rxg1	g7	f6	32	Rxc3	3	dxc3	52			
13	exf6	g7	Nxc6	33	Kb1	5	Rfd8	53			
14	Bd3	g7	Bd9	34	Qb3+	3	Qc5	54			
15	g4	g2	Nb4	35	Qxc3	3	Qxc2+	55			
16	a3	g0	Nxd3+	36	Ka1	3	Rd1+	56			
17	Qxd3	g0	Bc6	37	Rxd1	3	Qxd1+	57			
18	Nd4	g1	Ra2	38	Ka2	4	Qd5+	58			
19	Rd1	g0	Nd7	39	Ka1	1	b4	59			
20	Nde2	g0	Qc5	40	f5	47	b3	60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7/18

Group: G12
Round: 3
Board: 3

18:40

WHITE: Pooja Shree R				FED: IND				RESULT (0)			
BLACK: Peng Jingyi				FED: CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	g4	e6	21	Rd1	Nb6	41	f7	Kf8			
2	g4	d5	22	Rg3	Nc6	42	Nc3	Rc3			
3	Nc3	Nb6	23	Rh3	g6	43	b6	Qd1+			
4	e5	Nd7	24	Rg3	b5	44	Kb2	Qc2			
5	f4	c5	25	Na2	e5	45	Ka1	Qa2+			
6	Nf3	Nc6	26	f5	g5	46					
7	Be2	Be7	27	Nb4	d4	47					
8	Qd2	0-0	28	b6	Ne3	48					
9	dc	Bc5	29	Rg1	a5	49					
10	0-0-0	Qb6	30	Nc6	Qc6	50					
11	Bg1	Bc9	31	h4	Rc8	51					
12	Rg1	f6	32	Rc3	de	52					
13	ef	Nxc6	33	Kb1	Rd8	53					
14	Bd3	Bd9	34	Qb3	Qc4	54					
15	g4	Nb4	35	Qxc3	Qc2	55					
16	a3	Nxd3+	36	Ka1	Rd1	56					
17	Qxd3	Bc6	37	Rd1	Qd1	57					
18	Nd4	Ra2	38	Ka2	Qd5	58					
19	Rd1	Nd7	39	Ka1	b4	59					
20	Nde2	Qc5	40	f5	b3	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

28th Asian Youth Chess Championships 2026										Group	
2026年 第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										A19	
										Round	
    										1	
										4	
Date 2026.01.12										Tiebreak	
White 0										Black 0	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black 1	
White 1										Black	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Rc8	49	NRd3	12	21			11			
2	Ra8	50	Bc3	12	22			12			
3	Ra2	50	d4	13	23			13			
4	Rg1	51	Kc4	13	24			14			
5	Rh1	51	d3	13	25			15			
6	Rg1	51	d3	13	26			16			
7	Ra1	58	da	14	27			17			
8	Rh2	59	Bd4	14	28			18			
9	Rg1	59	d1d	14	29			19			
10	Rh2	53	Qh1	14	30			20			
11				14	31			21			
12				14	32			22			
13				14	33			23			
14				14	34			24			
15				14	35			25			
16				14	36			26			
17				14	37			27			
18				14	38			28			
19				14	39			29			
20				14	40			30			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

2026年 第28届 亚洲青少年国际象棋锦标赛										Group C12	
										Round 3	
										Date 19.04.2024	
										Board 0	
WHITE										ID INO	
Mehar Arin A										RESULT NO 4	
BLACK										ID Mink	
Nundinjigwar										RESULT NO 1	
WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	E4	E5	21	Nd4.	b6.	41	Re8.	Kd6.			
2	Nf3	Nc6	22	Rh1	E67.	42	d4.	ba4.			
3	Nc3	Nf6.	23	Nf3.	g4.	43	Rac7.	B3			
4	Q3	Bc5	24	Nd2.	C5.	44	Rac4.	Kc5.			
5	Nc5	Nc6.	25	Rh4.	P5.	45	Am	d5.			
6	d4	Bd6.	26	Rac4.	fer.	46	Rf6.	ah.			
7	dxe5	Bxa6	27	Rac4.	Rac4.	47	Rg4.	ba4.Ba5			
8	Bd3	O-O.	28	Rh8.	KE7	48	Re8.	Kd6.	Re8.	Kc5.	
9	O-O	Re8	29	Rh7.	Re6.	49	Re8.	Kc5.			
10	Bg5	h6.	30	Nf4.	Bc4.	50	Rg6.	Bb6.			
11	Bf6	Op6.	31	Re2.	Rac8.	51	Re1.	Re5.			
12	Nd5.	Qd6.	32	Rac8.	b5.	52	Rf6.	Re4.			
13	C3.	C6.	33	Rf2.	Kd6.	53	Re6.	Q5.			
14	Ne3.	Bh3.	34	Kc3	C4	54	Bh3.	Re5.			
15	Kh1	Bf4.	35	Re8.	Bf3.	55	Re5.	Re4.			
16	Nf5.	Op6.	36	Kc2.	Bb6.	56	ah.	Kb6.			
17	Qd3.	Qg5.	37	Ke1	as.	57	as.	Kb5.			
18	Qg5.	h7.	38	Rac4.	Re5.	58	Rf6.	Bb4.			
19	g3.	Bc7.	39	Rh8.	Re6.	59	Kf1.	Bb4.			
20	Ka2	g6.	40	Rd8.	Bb4.	60	Rd8.	Re4.			
SIGNATURE ORINATO				SIGNATURE ORINATO				SIGNATURE ORINATO			
Mehar Arin A				Nundinjigwar				Mink			

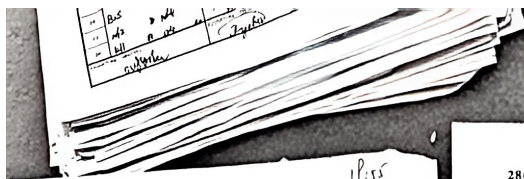
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Rc8	49	Kd3	21				11			
2	Ra8	50	Bc3	22				12			
3	Ra2	50	d4	23				13			
4	Rg1	51	Kc4	24				14			
5	Rh1	51	d3	25				15			
6	Rg1	51	d3	26				16			
7	Ra1	58	Bd4	27				17			
8	Rh2	59	Bd4	28				18			
9	Rg1	59	d1:Q	29				19			
10	Rh2	53	Qh1	30				20			
11				31				21			
12				32				22			
13				33				23			
14				34				24			
15				35				25			
16				36				26			
17				37				27			
18				38				28			
19				39				29			
20				40				30			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.18

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Kuker Alin Gashimov				Emeljanova Liliya				16.07.2024		RESULT 0 1/2	
FED Russia				FED Russia				RESULT 00 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	f4	1f5	41	1f15	0x63			
2	K13	K14	22	K15	K16	42	1f16	0f3			
3	K17	K18	23	1c3	1c4	43	1f17				
4	K19	d6	24	1e7	1e8	44					
5	1c2	1f	25	1f	1f	45					
6	00	1f16	26	1f17	1f18	46					
7	d3	00	27	1f	1f19	47					
8	1b1	K14	28	1f	1f20	48					
9			29	1f21	K15	49					
10	K12	1f	30	1f22	1f16	50					
11	1f5	K16	31	1f23	1f17	51					
12	00	K18	32	012	1f18	52					
13	1f	1f21	33	1f24	0f8	53					
14	1f16	K18	34	0f2	K17	54					
15	1f	1f	35	0f3	1f3	55					
16	1f17	1f	36	1f26	0f17	56					
17	1f5	K17	37	K16	1f1	57					
18	K12	1f16	38	R10	0f6	58					
19	K13	1f	39	K113	1f13	59					
20	1f5	K12	40	0f13	0f13	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Liliya							



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1/35

CHN 0
IND 1

LUO ZHENZHEN
DIVI RIJESH

	WHITE	BLACK		WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qb2	Rb8
2	c4	e6	22	Qc2	Bc8
3	Nc3	Nf6	23	Qb3	Ba7
4	Qd5	Qd5	24	Bf2	Qd7
5	Bf5	Bd7	25	Qc2	Bc8
6	e3	00	26	Qb3	Kf8
7	Bd3	Nbd7	27	Qb6	Bc7
8	Nf4	c6	28	Qb3	Nf8
9	00	Re8	29	Qc2	f5
10	Q5	05	30	Nol	f5
11	R8	Nf8	31	Bg3	h5
12	BH	Nf6	32	Bb3	Ba7
13	Bp2	Bd6	33	Qc3	h4
14	R1	Bd7	34	Qc7	Qd7
15	R8	Nf8	35	Nd2	Bf8
16	Qb3	Nf8	36	Bg1	Bd7
17	Bg1	Bc7	37	Bb1	Re7
18	Qc2	Nf6	38	Re1	Re8
19	Bd2	Qc7	39	Nc1	Nf8
20	Bg1	Bc7	40	f4	Re1

SIGNATURE (WHITE) LUO
SIGNATURE (BLACK) RIJESH

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1/35

CHN 0
IND 1

LUO ZHENZHEN
DIVI RIJESH

	WHITE	BLACK		WHITE	BLACK
1	c4e5	Nf8	21	Rc5	Kd5
2	Rc5	Rd7	22	Rc4	Kd5
3	Qc3	Qe6	23	Rc5	Kd5
4	Rc8	Kn7	24	Rc4	Rd5
5	Rxc8	Qxc8	25	Rc4	Rd5
6	Rc1	Nd6	26	Rc8	Rb3
7	Qd4	Qd6	27	Kf2	e3
8	bl	Nc7	28	kg	Rb1
9	Bf2	Qd6	29	Kh2	e2
10	Qb6	Qd6	30	Bh4	el-Q
11	Qb6	Nd8	31	Bc1	Re1
12	Bf2	Kg7	32	Re8	Kf7
13	Bh4	Kd5	33	Rc9	Nd4
14	kg1	Nd6	34	Rf7	Kf8
15	Kf2	Kd5	35	Rxb7	Re4
16	Ke2	d4	36	Rb6	kg7
17	ed4	Nd5	37	Rb7	Kf6
18	Bf5	Nd4	38	Q3	Rc2
19	Rc4	Kd5	39	Ke1	Nd6
20	Ke3	Kd5	40	Rb6	Nf5

SIGNATURE (WHITE) LUO
SIGNATURE (BLACK) RIJESH

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1/35

CHN 0
IND 1

LUO ZHENZHEN
DIVI RIJESH

	WHITE	BLACK		WHITE	BLACK
1	Rf8	kg7	21		
2	Rc8	RxR4	22		
3	kg2	Rc4	23		
4	Rc5	Kf6	24		
5	Kf3	Rc4	25		
6	Kg2	Nf4	26		
7	Kf2	Nd4	27		
8			28		
9			29		
10			30		
11			31		
12			32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		

SIGNATURE (WHITE) LUO
SIGNATURE (BLACK) RIJESH

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1/35

CHN 0
IND 1

LUO ZHENZHEN
DIVI RIJESH

	WHITE	BLACK		WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd2	Rd8
2	c4	e6	22	Qc2	Bc8
3	Nc3	Nf6	23	Qb3	Ba7
4	Qd5	Qd5	24	Bf2	Qd7
5	Bf5	Bd7	25	Qc2	Bc8
6	e3	00	26	Qb3	Kf8
7	Bd3	Nbd7	27	Qb6	Bc7
8	Nf4	c6	28	Qb3	Nf8
9	00	Re8	29	Qc2	f5
10	Q5	05	30	Nol	f5
11	R8	Nf8	31	Bg3	h5
12	BH	Nf6	32	Bb3	Ba7
13	Bp2	Bd6	33	Qc3	h4
14	R1	Bd7	34	Qc7	Qd7
15	R8	Nf8	35	Nd2	Bf8
16	Qb3	Nf8	36	Bg1	Bd7
17	Bg1	Bc7	37	Bb1	Re7
18	Qc2	Nf6	38	Re1	Re8
19	Bd2	Qc7	39	Nc1	Nf8
20	Bg1	Bc7	40	f4	Re1

SIGNATURE (WHITE) LUO
SIGNATURE (BLACK) RIJESH

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1/35

CHN 0
IND 1

LUO ZHENZHEN
DIVI RIJESH

	WHITE	BLACK		WHITE	BLACK
1	d5	Nf8	21	Rc5	Kd5
2	Rc5	Rd7	22	Rc4	Kd5
3	Qc3	Qe6	23	Rc5	Kd5
4	Rc8	Kn7	24	Rc4	Rd5
5	Rxc8	Qxc8	25	Rc4	Rd5
6	Rc1	Nd6	26	Rc8	Rb3
7	Qd4	Qd6	27	Kf2	e3
8	bl	Nc7	28	kg	Rb1
9	Bf2	Qd6	29	Kh2	e2
10	Qb6	Qd6	30	Bh4	el-Q
11	Qb6	Nd8	31	Bc1	Re1
12	Bf2	Kg7	32	Re8	Kf7
13	Bh4	Kd5	33	Rc9	Nd4
14	kg1	Nd6	34	Rf7	Kf8
15	Kf2	Kd5	35	Rxb7	Re4
16	Ke2	d4	36	Rb6	kg7
17	ed4	Nd5	37	Rb7	Kf6
18	Bf5	Nd4	38	Q3	Rc2
19	Rc4	Kd5	39	Ke1	Nd6
20	Ke3	Kd5	40	Rb6	Nf5

SIGNATURE (WHITE) LUO
SIGNATURE (BLACK) RIJESH

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1/35

CHN 0
IND 1

LUO ZHENZHEN
DIVI RIJESH

	WHITE	BLACK		WHITE	BLACK
1	Rf8	kg7	21		
2	Rc8	RxR4	22		
3	kg2	Rc4	23		
4	Rc5	Kf6	24		
5	Kf3	Rc4	25		
6	Kg2	Nf4	26		
7	Kf2	Nd4	27		
8			28		
9			29		
10			30		
11			31		
12			32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		

SIGNATURE (WHITE) LUO
SIGNATURE (BLACK) RIJESH

17:38

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G 12									
Round 3									
Date 7-18 Board 7									
WHITE Song Yuchen					FED CHN RESULT (0)				
BLACK Khushniddinov Husnarakhon					FED UZB RESULT (0)				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	g6	21	Rd8	h5	41	Bc3	h1	
2	Nf3	g1	22	C4	h2	42	Bb2	Bc2	
3	Bb5	g1	23	Nel	h5	43	Bc3	C4	
4	Ba4	g1	24	Nd3	h5	44	Bb2	g5	
5	C3	g1	25	Ba3	h5	45	h9	h9	
6	O-O	g1	26	Rb1	h5	46	Bc3	Bd1	
7	d3	g1	27	kg1	h5	47	Bb2	Bc2	
8	de	g1	28	Rb2	h5	48	Bc3	g4	
9	Rd1	g1	29	Rb2	h5	49	et	Bd1	
10	Bc6	g1	30	f3	h5	50	f4	et	
11	h3	g1	31	Ba3	h5	51	kg1	Bd3	
12	Bc3	g1	32	Kf2	h5	52	kg4	Bc2	
13	b2	g1	33	g3	h5	53	Kf4	Kd5	
14	Nel	g1	34	Bc5	h5	54	g4	Bd3	
15	Nd3	g1	35	kg3	h5	55	g5	Kd5	
16	Nd2	g1	36	h4	h5	56	Kd5	Kd5	
17	Nc5	g1	37	Bb4	h5	57	Kf6	Cd8	
18	Bc5	g1	38	Ba5	h5	58	g4	Bd1	
19	Nf3	g1	39	Bc7	h5	59	kg6	Kd5	
20	kg1	g1	40	Ba5	h5	60	Ba5	C3	
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)				
Song Yuchen					Khushniddinov Husnarakhon				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G 12									
Round 3									
Date 18-01-26 Board 7									
WHITE Song Yuchen					FED CHN RESULT (0)				
BLACK Khushniddinov Husnarakhon					FED UZB RESULT (0)				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	Ng8	Ng8	41	Cc3	h6	
2	Kf3	Kd6	22	C4	Ng8	42	Cc2	Cc2	
3	Cb5	Ng6	23	Ke1	Ng8	43	Cc3	C4	
4	Cau	Ng6	24	Kd3	Kd3	44	Cc2	g5	
5	C3	Ng6	25	Cc3	Ng8	45	kg	kg	
6	O-O	Cd5	26	Ng1	Cc4	46	Cc3	Cd1	
7	d3	de	27	kg1	Cc2	47	Cc2	Cc2	
8	de	Pd1	28	Ng2	Cc2	48	Cc3	g4	
9	Ng1	Cg4	29	Cc2	Kd3	49	g4	Cd5	
10	Cc6	Cc	30	f3	Kd6	50	h4	ef	
11	h3	Cc6	31	Cc3	g6	51	Ng4	Cd3	
12	Cc3	Ng8	32	Ng2	f5	52	Ng4	Cc2	
13	b3	f6	33	g3	Kd4	53	Ng4	Kd5	
14	Ke1	Cd6	34	Cc5	Kc6	54	g4	Cd3	
15	Kd3	C5	35	Ng3	Kd4	55	g5	Kc5	
16	Kd2	O-O	36	h4	Kc4	56	Kc5	Kc5	
17	Kc5	Cc5	37	Cb4	Ng4	57	Kc5	Kc5	
18	Cc5	Ng8	38	Cc5	C5	58	g6	g6	
19	Kf3	Kf4	39	Cc2	Kd6	59	Ng6	Kd3	
20	Kf1	O-O	40	Cc5	Cb3	60	Cc5	C3	
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)				
Song Yuchen					Khushniddinov Husnarakhon				

17:38

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18. Board 8.

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sun Yucan		Krishna Tamhank Jain		CHN		IND		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g5	21	Nd5	g7	45	Ba4	Rb1	41	Ba4	Rb1
2	Nc3	a6	22	Qd1	g8	46	Bb3	Rb2	42	Bb3	Rb2
3	g3	b3	23	Re2	e3	47	Rc2	Nd5	43	Rc2	Nd3
4	Bg2	Bb7	24	b3	h1	48	h1	Nb4	44	h1	Nb4
5	Nge1	Nb6	25	Bg1	f6	49	Re2	Re2	45	Re2	Re2
6	O-O	g6	26	h3	h2	50	Ke2	Kf6	46	Kxe2	Kf6
7	Rd1	g1	27	Qe1	f7	51	Ke3	Kc5	47	Ke3	Kc5
8	d4	g2	28	Rc3	Re3	52	Bc4	Nd5	48	Bc4	Nxd5
9	Nd4	Nd4	29	Kf2	Re5	53	Kd3	f4	49	Kd3	f4
10	Qd4	Ng7	30	Re2	Re5	54			50		
11	Bg5	Nb6	31	g4	h6	55			51		
12	Qd2	Bb7	32	g2	h6	56			52		
13	Bb7	Qd7	33	b4	h6	57			53		
14	Rad1	RdE	34	Rd4	Rd3	58			54		
15	f4	h3	35	C4	Rd4	59			55		
16	Qf2	Qc7	36	Kc4	Nc4	60			56		
17	f5	Ne5	37	Bf1	Ne5	61			57		
18	Qf3	Qf	38	Rd2	Rd3	62			58		
19	Bf5	g6	39	Bb5	g7	63			59		
20	Bh3	h5	40	h2	Re1	64			60		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07/24 Board 8

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sun, Yucan (SD)		Krishna Tamhank Jain		CHN		IND		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	C5	21	Nd5	Bxd5	41	Ba4	Rb1	41	Ba4	Rb1
2	Nc3	a6	22	exd5 (48)	Pc6 (41)	42	Bb3	Rb2	42	Bb3	Rb2
3	g3	b5	23	Ra2	(44) Bc4 (34)	43	Rc2	Nd3	43	Rc2	Nd3
4	Bg2	Bb7	24	b3	(41) Qc2 (32)	44	h1	Nb4	44	h1	Nb4
5	Nfdd	Nc6	25	Bg2 (33)	Rf6 (31)	45	Re2	Re2	45	Re2	Re2
6	O-O	e6	26	h3	a5 (27)	46	Kxe2	Kf6	46	Kxe2	Kf6
7	Rd1	d6	27	Qe1 (28)	Kf7 (23)	47	Ke3	Kc5	47	Ke3	Kc5
8	d4	Cxd4	28	Bxc3	Rxc3 (23)	48	Bc4	Nxd5	48	Bc4	Nxd5
9	Nxd4	Nxd4	29	Kf2 (25)	Rc8 (23)	49	Kd3	f4	49	Kd3	f4
10	Qxd4	Ne7 (19)	30	Rdd2	a5	50			50		
11	Bg5	Nc6 (71)	31	Bh1	h6	51			51		
12	Qd2	Bc7 (71)	32	Bg2	g6 (20)	52			52		
13	Bxc7	Bxc7 (71)	33	bxc5	bxc5	53			53		
14	Rdd1	Rd8 (71)	34	Rd4	Rab (19)	54			54		
15	f4	O-O (110)	35	C4	Rxc4	55			55		
16	Qf2	Qc7 (61)	36	Rxc4	Nxc4 (20)	56			56		
17	f5	Ne5 (60)	37	Bc1	Nc5 (19)	57			57		
18	Bh3 (61)	e7 (57)	38	Rd2	Pc3 (18)	58			58		
19	Bxf5	g6	39	Bb5 (9)	a6 (18.46)	59			59		
20	Bh3	f5	40	h2	Rc1 (100)	60			60		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
G12
Round
3
Board
9

WHITE Hakangala Sayumi Sithumila				FED				RESULT (0)			
BLACK Yao Kaijun				FED				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxf4	gxf4	11					
2	c4	e6	22	Qxf4	f6	12					
3	Nc3	Nf6	23	Qxf6	xf7	13					
4	Bg5	Be7	24	Rf1	Rf8	14					
5	Nf3	O-O	25	Rf3	Kf8	15					
6	Re3	h6	26	Qf4	Ke8	16					
7	Bh4	Nc7	27	Rg3		17					
8	Bxe7	Rxe7	28			18					
9	Rc2	Nxf3	29			19					
10	Qx3	c6	30			20					
11	Bd3	b6	31			21					
12	O-O	Bb7	32			22					
13	exd5	exd5	33			23					
14	Nf5	c5	34			24					
15	Rac1	c4	35			25					
16	Bb1	Nd7	36			26					
17	Rc2	g3	37			27					
18	f4	Nxe5	38			28					
19	fxe5	Bc8	39			29					
20	Kh1	Bf5	40			30					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (JUDITING)			
[Signature]				Yao Kaijun				Zhu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
G12
Round
3
Board
9

WHITE Sayumi Sithumila				FED				RESULT (0)			
BLACK Kaijun Yao				FED				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxf5	gxf5	11					
2	c4	e6	22	Qxf5	f6	12					
3	Nc3	Nf6	23	Qxf6	Qf7	13					
4	Bg5	Be7	24	Rf1	Rf8	14					
5	Nf3	O-O	25	Rf3	Kf8	15					
6	e3	h6	26	Qf4	Ke8	16					
7	Bh4	Ne4	27	Rg3		17					
8	Bxe7	Qxe7	28			18					
9	Qc2	Nxe3	29			19					
10	Qxc3	c6	30			20					
11	Bd3	b6	31			21					
12	O-O	Bb7	32			22					
13	exd5	exd5	33			23					
14	Ne5	c5	34			24					
15	Rac1	c4	35			25					
16	Bb1	Nd7	36			26					
17	Qc2	g6	37			27					
18	f4	Nxe5	38			28					
19	fxe5	Bc8	39			29					
20	Kh1	Bf5	40			30					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (JUDITING)			
[Signature]				Yao Kaijun				Zhu			

18.14

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Pham Nhat Y		Tran Hong Bao An		FID		VIE		FID		VIE	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817		1817		1817		1817		1817		1817	
1817											

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **C42**
Round **3**
Date **18/7** Board **11**

WHITE				BLACK			
Nguyen Huynh Thien Thanh				Sokolova Milana Aleks			
FED VIE				FED RUS			
RESULT (W)				RESULT (B)			
0				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	D4	MF3	21	ef	gf	41	MB3 Xb2
2	ME35	gb	22	MH5	fy	42	Ma5 MF4
3	Mbdl	MF6	23	Amg7	Vg7	43	Vg3 ML
4	eh	db	24	Tal	Tas	44	
5	Ta3	O-O	25	MB5	hg	45	
6	O-O	Mb7	26	ML4	Tb3	46	
7	xe1	es	27	Xa1	ds	47	
8	c3	xe8	28	xa3	Tc2	48	
9	Hb3	He7	29	Tf4	Xf4	49	
10	Md1	b6	30	Md2	Xaf8	50	
11	Mg3	MF8	31	f3	ef	51	
12	h3	Tb7	32	b4	ex	52	
13	Td2	Mb7	33	MF3	Tc4	53	
14	Tc4	Ma7	34	Ma4	Xf6	54	
15	Teb	Heb	35	Xa1	ML5	55	
16	Hb6	Xeb	36	ba	ba	56	
17	ds	Vh2	37	Vh2	Xf2	57	
18	Tc3	Xa8	38	Xa2	MD2	58	
19	Xcd1	A5	39	Xf2	Xf2	59	
20	A4	I5	40	Xg1	C5	60	
SIGNATURE (WHITE) <i>Thien Thanh</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Milana</i>			
SIGNATURE (ARBITER) <i>Zhu</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Zhu</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **C42**
Round **3**
Date **18.07.26** Board **11**

WHITE				BLACK			
Nguyen Huynh Thien Thanh				Sokolova Milana			
FED VIETNAM				FED RUSSIA			
RESULT (W)				RESULT (B)			
0				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	Kf6	21	ef	gf	41	Kb3 Mb2
2	Kf3	g6	22	KH5	f4	42	KAS: Kf4
3	Vbdl	g7	23	Kg7:	Wg7:	43	KPg3 Ke2+
4	c4	d6	24	cd2	cd5:	44	
5	cb3	O-O	25	Kg5	Ng	45	
6	O-O	Kf7	26	Ke4	cb3	46	
7	Ne1	e5	27	NA1	d5	47	
8	c3	Ne8	28	NA3	cc2	48	
9	Qb3	Qe7	29	ef4:	NA4:	49	
10	Kf1	b6	30	Kd2	NAf8	50	
11	Kg3	Kf8	31	f3	e4	51	
12	h3	cb7	32	b4	ef	52	
13	cd2	Ke6	33	Kf3:	ce4	53	
14	cc4	Kd7	34	Kd4	NAf6	54	
15	ce6:	Qe6:	35	NA2	Ke6	55	
16	Qe6:	Ne6:	36	NA	NA	56	
17	d5	Ne8	37	VPh2	Af2	57	
18	ce8	NA8	38	NAe2	Kd3	58	
19	NA4	A5	39	NA2:	NA2:	59	
20	A4	I5	40	NA1	C5	60	
SIGNATURE (WHITE) <i>Thien Thanh</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Milana</i>			
SIGNATURE (ARBITER) <i>Zhu</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Zhu</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **612**
Round **3**
Date **18.07.2026** Board **12**

WHITE Zhetys Symbat				FED KAZ				RESULT (O) 1			
BLACK Ziyadin Malina				FED KAZ				RESULT (O) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bc1	Ke7	41	Qe3	Qa5			
2		d4	22		Uc1	Qa5					
3	e6	cd	23	cb1	Ke9						
4		cd3	24		Ke3	h5					
5	cs	Qc2	25	K4	Ke7						
6		h3	26		ch	Ke7					
7	Ke3	e6	27	cd3	Qc3						
8		o-o	28		Ke7	Qb6					
9	Ke1	o-o	29	cs	b6						
10		Ke3	30		cd	ed					
11	A	f8	31	cb5	Ke3						
12		Qf5	32		Ke5	Ke5					
13	cd7	cb7	33	Le	Qb4						
14		b3	34		e6	Ke6					
15	Qd3	cd6	35	Qf4	ch5						
16		cs	36		g4	g6					
17	cs	cd7	37	gh	gf						
18		Ke2	38		Qc7	Qb4					
19	Qe3	Qb6	39	Ke4	Qb3						
20	Ke2	Ke2	40		Qb5	Ke3					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **612**
Round **3**
Date **18.07.2026** Board **12**

WHITE Zhetys Symbat				FED KAZ				RESULT (O) 1			
BLACK Ziyadin Malina				FED KAZ				RESULT (O) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bc1	Ke7	41	Qe3	Qa5			
2		d4	22		Uc1	Qa5					
3	e6	cd	23	cb1	Ke9						
4		cd3	24		Ke3	h5					
5	cs	Qc2	25	K4	Ke7						
6		h3	26		ch	Ke7					
7	Ke3	e6	27	cd3	Qc3						
8		o-o	28		Ke7	Qb6					
9	Ke1	o-o	29	cs	b6						
10		Ke3	30		cd	ed					
11	A	f8	31	cb5	Ke3						
12		Qf5	32		Ke5	Ke5					
13	cd7	cb7	33	Le	Qb4						
14		b3	34		e6	Ke6					
15	Qd3	cd6	35	Qf4	ch5						
16		cs	36		g4	g6					
17	cs	cd7	37	gh	gf						
18		Ke2	38		Qc7	Qb4					
19	Qe3	Qb6	39	Ke4	Qb3						
20	Ke2	Ke2	40		Qb5	Ke3					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.7.2024 Board 13

WHITE Elaf Abdullah Shazmeen				FED MDV				RESULT (0)			
BLACK Ding Yanwen				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re6	Ne3	41	Rxd3	end3			
2	Nf3	Nc6	22	Nxe3	Bxe3	42	Kxd3	Rg2			
3	d4	exd4	23	Gxe3	Rxe3	43	Kc5	Rxg3			
4	Nxd4	e6	24	Re6	Rhe2	44	b4	Rg4			
5	Nxc6	bxc6	25	Kd2	g6	45	Kb5	Rg4			
6	Bc4	Nf6	26	Ra3	Kd3	46	Ka5	f4			
7	e5	Qa5	27	c4	xd5	47	Ka6	f3			
8	Qc3	Qa5	28	xd5	Ra5	48	b5	f2			
9	Qe2	Qxe2	29	Rf3	Re3	49	Kc3	f1=Q			
10	Bxe2	Bb4	30	e4	Kd4	50	b6	Ra4			
11	Bd2	O-O	31	Ree3	Kxe3	51	Kb8	Qf8			
12	O-O-O	d6	32	d4	Ke2	52	Kb7	Qh8			
13	Bf3	h6	33	d3	Ke1	53	Kc7	Rc4			
14	Kh4	e4	34	Rd7	Re5	54	Kd7	Kf6			
15	g3	Bc5	35	f5	b3	55					
16	Rh2	Bg4	36	Kf6	Re8	56					
17	Bxg4	Nxg4	37	Rc7	Rd6	57					
18	Bxf2	Rf1	38	Rc8	Kd2	58					
19	h5	h7	39	Rc2	Rxa2	59					
20	Nd1	Re1	40	Rc2	Kes	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Elaf</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Ding Yanwen</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Zhu</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.7.19 Board 13

WHITE Elaf Abdullah Shazmeen				FED MDV				RESULT (0)			
BLACK Ding Yanwen				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re1	Rfe8	41	Kd2	Rc2			
2	Nf3	Nc6	22	Ne3	Ne3	42	Ke3	12A2			
3	d4	cd	23	Bc3	Bc3	43	Rd6	Ke5			
4	Nd4	e6	24	Re3	Re6	44	12d3	ed			
5	Nc6	bc	25	Rge2	Rae8	45	Kd3	Rg2			
6	Bc4	Nf6	26	Kd2	g6	46	Kc4	Rg3			
7	e5	Qa5	27	Ra3	Rge7	47	b4	Rh4			
8	Nc3	Qe5	28	Kd3	Kg7	48	Kb5	Rh4			
9	Qe2	Qe2	29	c4	Rf6	49	Ka5	f4			
10	Be2	Bb4	30	cd	cd	50	Ka6	f3			
11	Bd2	O-O	31	Ra5	Rf3	51	b5	f2			
12	O-O-O	d5	32	Re3	e4	52	Ka7	f1=Q			
13	Bf3	h6	33	Kd4	Re3	53	b6	Rd4			
14	h4	e5	34	Ke3	d4	54	Kh8	Qh8			
15	g3	Bc5	35	Ke2	d3	55	Kb7	Qd8			
16	Rh2	Rh4	36	Ke1	Rd7	56	Kc7	Rd4			
17	Bg4	Ng4	37	Re5	f5	57	Kd7	Kf6			
18	Rg2	Bf2	38	b3	Kf6	58					
19	Rh1	h5	39	Re8	Re7	59					
20	Nd1	Bc5	40	Rd8	Rd1	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Elaf</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Ding Yanwen</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Zhu</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.37

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	d4	d5	21	h3	h2	41					
2	c4	c6	22	h2	h1	42					
3	h3	h2	23	h4	h3	43					
4	h2	h1	24	f4	c3	44					
5	h1	h2	25	d3	g3	45					
6	e3	h3	26	h3	g4	46					
7	c4	h4	27	g4	h4	47					
8	c3	h3	28	h3	h4	48					
9	d2	c6	29	h3	g4	49					
10	c2	c3	30	c4	h4	50					
11	c4	h4	31	h4	g5	51					
12	h3	h4	32	e4	g4	52					
13	c3	h2	33	c5	c3	53					
14	c5	c3	34	h4	h3	54					
15	c6	c4	35	c3	h3	55					
16	h2	c4	36	h3	g3	56					
17	h4	c3	37	c3	h3	57					
18	h3	h4	38	h3	h4	58					
19	c3	h3	39	h4		59					
20	h3	h4	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.37

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	d4	d5	21	h3	h2	41					
2	c4	c6	22	h2	h1	42					
3	h3	h2	23	h4	h3	43					
4	h2	h1	24	f4	c3	44					
5	h1	h2	25	d3	g3	45					
6	e3	h3	26	h3	g4	46					
7	c4	h4	27	g4	h4	47					
8	c3	h3	28	h3	h4	48					
9	d2	c6	29	h3	g4	49					
10	c2	c3	30	c4	h4	50					
11	c4	h4	31	h4	g5	51					
12	h3	h4	32	e4	g4	52					
13	c3	h2	33	c5	c3	53					
14	c5	c3	34	h4	h3	54					
15	c6	c4	35	c3	h3	55					
16	h2	c4	36	h3	g3	56					
17	h4	c3	37	c3	h3	57					
18	h3	h4	38	h3	h4	58					
19	c3	h3	39	h4		59					
20	h3	h4	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G12
Round
3
Date
18/11/2026
Board
15

WHITE Zhou, Emma				BLACK Nguyen Thi Phuong Anh					
FED AUS				FED VTE					
RESULT (W)				RESULT (B)					
81				80					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Rd1	Rd1	41			
2	Nf3	e6	22	Rd1	e5	42			
3	d4	cd	23	Qc3	Qp6	43			
4	Nd4	Nc6	24	Rd3	Be6	44			
5	Nc3	Qc7	25	Rd6	Qp4	45			
6	Ncb5	Qb8	26	Qd3	b5	46			
7	Bd3	Nf6	27	Cb	ab	47			
8	O-O	Be7	28	Rc6	Bc4	48			
9	c4	a6	29	Rc4	bc	49			
10	Nc6	dc	30	Qc4	q3	50			
11	Nd4	O-O	31	pp	Qq3	51			
12	Ne2	Rd8	32	b5	Qe3	52			
13	Qc2	Ng4	33	Kh1	Q6	53			
14	Ng3	h5	34	a4	Kg7	54			
15	h3	Bc5	35	Bg4	Qe1	55			
16	hg	Qq3	36	Ch2	Rh8	56			
17	Be2	hg	37	Bh3	Qe3	57			
18	b4	Bd4	38	Qd5	Qp4	58			
19	Bb2	Qh4	39			59			
20	Bd4	Rd4	40			60			
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) 				SIGNATURE (ARBITER) 	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G12
Round
3
Date
18/11/2026
Board
15

WHITE Emma Zhou				FED AUS 16+1		RESULT (N)		
BLACK Nguyen Thi Phuong Anh (WCM)				FED VIE 1875		RESULT (O)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd1	Rxd1	41		
2	Nf3	e6	22	Rxd1	e5	42		
3	d4	cd4	23	Qc3	Qf6	43		
4	Nxd4	Nc6	24	Rd3	Be6	44		
5	Nc3	Qc7	25	Rd6	ca4	45		
6	Ncb5	Qb8	26	Qd3	b5	46		
7	Bd3	Nf6	27	Cxb5	axb5	47		
8	O-O	Be7	28	Rxc6	Bc4	48		
9	c4	a6	29	Rxc4	Oxc4	49		
10	Nxc6	axc6	30	axc4	g3	50		
11	Nd4	O-O	31	fxg3	Qxg3	51		
12	Ne2	Rd8	32	b5	Qe3+	52		
13	Qc2	Ng4	33	Kh1	g6	53		
14	Ng3	h5	34	a4	Kg7	54		
15	h3	Bc5	35	Bg4	Qe1	55		
16	hxg4	Qxg3	36	Kh2	Rh8	56		
17	Bc2	hxg4	37	Bh3	Qc3	57		
18	b4	Bd4	38	Qd5	ap4	58		
19	Bb2	Qh4	39			59		
20	Bxd4	Rxd4	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>Emma Zhou</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Anh</i>		SIGNATURE (ARBITER) <i>Zhou</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.07.18 Board 18

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	c6	21	c4	Rd5	11	Rd5	Kg1			
2	d4	d5	22	Bd3	Bd4	12	Rd7	Kc8			
3	Nc3	de	23	Re2	Rf8	13	b4	Rc8			
4	Ne4	Nf6	24	Rf2	Qd7	14	Rc3	Ag2			
5	Nf5	ef	25	Bc2	Bd7	15	Kf3	Rf8g7			
6	c3	Bd3	26	Qd3	Qd6	16	Ke4	Rf8B			
7	Bd3	Qe2	27	Qd3	b5	17	Kd5	Rd2			
8	Bd3	Ff5	28	cb	Qd6	18	Kc6	Kc6			
9	Qe2	Bd6	29	h3	Qd7	19	Kd5	Rd8			
10	Nf7	Nd7	30	Re1	Nd5	20	Kd5	Rd8			
11	O-O	O-O	31	Bf4	Nf4	21	Kb3	Qg8			
12	Ng1	h6	32	Bb2	Rf5	22	h5	Re1			
13	Ne6	fe	33	Qe4	g6	23	b6	Rb1			
14	F4	Nf4	34	Rd5	Qd7	24	Kc2	Re5			
15	Ra1	Ra8	35	Qd4	Rd4	25	Re1	Ra8			
16	Kd1	Kd8	36	Bd5	Ng3	26	Re1	Kc3			
17	Bd2	Qf7	37	Kg2	Rd3	27	Kd4	Re5			
18	Qd1	C5	38	Kg3	Rd2	28	Re8	Rf8			
19	dc	Bc5	39	Re6	Nd8	29	Rf8	Kc6			
20	Qf3	Qd6	40	Re3	Rd2	30	Re8	Kc7			

SIGNATURE (WHITE) [Signature] SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.07.18 Board 16

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	b7	Rd3	21			11					
2	Rd3	Rd1	22			12					
3	b3	Re1	23			13					
4	Kd3	Rd1	24			14					
5	Kd3	Rd1	25			15					
6	Qd3	g5	26			16					
7	Kg1	Qg6	27			17					
8	Qg8	Re5	28			18					
9	Qg7	g4	29			19					
10	Qg4		30			20					
11			31			21					
12			32			22					
13			33			23					
14			34			24					
15			35			25					
16			36			26					
17			37			27					
18			38			28					
19			39			29					
20			40			30					

SIGNATURE (WHITE) [Signature] SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07 Board 16

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	c6	21	c4	Nd5	11	Nb8	Qd8			
2	d4	d5	22	cc3	Qd4	12	Nb8	Qd8			
3	Kc3	d'e	23	Re2	Rf8	13	b4	Rc8			
4	Ke4	Kf6	24	Rf2	Qd7	14	Rc3	Ag2			
5	Kf8	e:f	25	cc2	Cc3	15	Kf3	Rf8g7			
6	C3	Cd6	26	Qc3	Qd6	16	Ke4	Rf8B			
7	Cd3	Qe2	27	Qf3	b5	17	Kd5	Rd2			
8	Cd3	f5	28	Cc3	Qd6	18	Kc6	Kc6			
9	Qd2	Cd6	29	h3	Qd7	19	Kd5	Rd8			
10	Kf3	Rd7	30	Re5	Nd5	20	Kd5	Rd8			
11	O-O	O-O	31	Cf5	Nf4	21	Kb3	Qg8			
12	Kg5	h6	32	cc2	Rf8	22	h5	Re1			
13	Kc6	f:e	33	Qd4	Qd6	23	b6	Rb1			
14	f4	Kd8	34	Nc5	Qd4	24	Kc2	Re5			
15	Nd2	Nd8	35	Qd4	Nd4	25	Re1	Ra8			
16	Nd2	Nd8	36	Qd4	Nd4	26	Re1	Kc3			
17	Qd2	Qf7	37	Kd2	Rd2	27	Kd4	Re5			
18	Qd1	C5	38	Kd2	Rd2	28	Re8	Rf8			
19	d:c	Cc5	39	Nc6	Nd8	29	Rf8	Kc6			
20	Qd3	Qd6	40	Nc3	Rd2	30	Re8	Kc7			

SIGNATURE (WHITE) [Signature] SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07 Board 16

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	b7	Nh3	21			11					
2	Nd8	Nh1	22			12					
3	b8	Nc1	23			13					
4	Nd3	Nh1	24			14					
5	Kd2	Nc8	25			15					
6	Qd3	g5	26			16					
7	Kd3	Qd8	27			17					
8	Qd3	Qd8	28			18					
9	Qd3	Qd8	29			19					
10	Qd3	Qd8	30			20					
11			31			21					
12			32			22					
13			33			23					
14			34			24					
15			35			25					
16			36			26					
17			37			27					
18			38			28					
19			39			29					
20			40			30					

SIGNATURE (WHITE) [Signature] SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.10 Board: 17

WHITE Kim Joonwon				ID KOR				RESULT (W)			
BLACK Buketbek K. A.				ID KGZ				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	bg.	axb5	11					
2	Nf3	d6	22	axb5	Nc7	12					
3	d4	cxb4	23	ABJ.	B5	13					
4	Nxb4	Nf8	24	h3	Ra2	14					
5	Nc2	e9	25	Bd3	Kf7	15					
6	Nb3	Bg6	26	Rd7	Bxd7	16					
7	Bce	Oe7	27	Bxd7	Oth	17					
8	Oe3	O-O	28	Bx7	Bx7	18					
9	Bg	d5	29	Bc4	Kf9	19					
10	exd5	Nxd5	30	Bc4		20					
11	Nxd5	Nxd5	31			21					
12	O-O	Nc6	32			22					
13	C3	f5	33			23					
14	Bc2	Bc7	34			24					
15	Ra1	Bc5	35			25					
16	Nc5	Oc5	36			26					
17	Bxc5	Ap6	37			27					
18	b4	a6	38			28					
19	a4	Bc7	39			29					
20	Rd6	Rh6	40			30					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18.07 Board: 17

WHITE Kim Joonwon				ID KOR				RESULT (W)			
BLACK Buketbek K. A.				ID KGZ				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	C5	21	b5	ab	11					
2	Kf3	d6	22	ab	Kc7	12					
3	d4	cd	23	ukd1	ph5	13					
4	h4	Kf6	24	h3	u02	14					
5	Kc3	e5	25	qpd7	Kf7	15					
6	Kb3	ce6	26	ud1	cd7	16					
7	ce2	ce7	27	qpd7	qphv	17					
8	Kc3	C-O	28	ce4	qphv	18					
9	K3	d5	29	cc4	Kf8	19					
10	ed	Kd5	30	pe3		20					
11	Kd5	cd5	31			21					
12	O-O	Kc6	32			22					
13	C3	f5	33			23					
14	Qc1	qphv	34			24					
15	u04	ce6	35			25					
16	Kc5	ce5	36			26					
17	cc5	u06	37			27					
18	b4	06	38			28					
19	a7	qphv	39			29					
20	ud6	uh6	40			30					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				FED				VIE				RESULT				DO				I			
Vu Thi Yen Chi				Manya Doula				FED				IND				RESULT				DO				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK				
1	89	e4 g0	21	Rf5	48 Rg8	42	11	R6x7	Rxg2	5																	
2	89	Nf3 a1	22	a5	39 b07	40	42	Rec7+	Kc9	5																	
3	89	d4 a1	23	Nd5	37 Nxd5	34	43	Ra7	f4	5																	
4	Nxd4	89 Bc5	24	Exd5	36 Qd7	33	44	Rg7		5																	
5	Nb3	89 Bc6	25	Rf6	32 Nc5	32	45			5																	
6	Nc3	89 Nf6	26	bxc5	32 dxc5	33	46			5																	
7	Bg5	88 f6	27	d6	31 g8	22	47			5																	
8	Bh4	88 g5	28	Rd2	29 Rf8	21	48			5																	
9	Bg3	88 d6	29	Nc5	15 dxc5	16	49			5																	
10	Bc4	85 Qd7	30	dxc5	15 Kd8	14	50			5																	
11	Qe2	82 Bc6	31	Qxc5	14 Rd8	14	51			5																	
12	0-0-0	78 0-0	32	dxc7	13 Kc8	13	52			5																	
13	Re1	78 f5	33	Qc3	10 Re1	7	53			5																	
14	f3	73 f4	34	Kh2	10 Qh4	7	54			5																	
15	Bh2	69 Bx04	35	Qh3	10 Qx4	8	55			5																	
16	Qxc4	69 Bxf2	36	Kxd3	b Re3	7	56			5																	
17	Re2	66 Bb6	37	c3	10 Rg3	7	57			5																	
18	Rd1	58 g8	38	Re2	9 Kc7	5	58			5																	
19	a4	55 a6	39	Re7	Kc8	6	59			5																	
20	Re1	52 Rg7	40	Rb6	f5	4	60			5																	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)							
e4				Nf3				d4				Nxd4				Nb3				Nc3							
Bg5				Bh4				Bg3				Bc4				Qe2				0-0-0							
Re1				f3				Bh2				Qxc4				Re2				Re1							
a4				Re1				a4				Re1				a4				Re1							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1				a4				Re1				a4				Re1				a4							
Re1																											

18:32

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/7/2026

Board 19

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
May Mahar		Thanthulage, Hesanya		MYA		SRI		1		0	
1	e4	c5	21	Qc1	g5	41	Qc4	Rg7			
2	Nf3	e6	22	Qe1	h4	42	Nxh4	d5			
3	d4	cxd4	23	Bg4	Nc4	43	Nf6	Kc8			
4	Nxd4	a6	24	Qc1	gxf4	44	Qc5	Rxb5			
5	Nc3	Qc7	25	Qx4	Bg5	45	Rxb5	Rb7			
6	Be2	Nf6	26	Qo2	Nce4	46	Qxc6				
7	O-O	Nc6	27	Qd1	Nxb2	47					
8	Be3	b5	28	Qa1	Nb4	48					
9	a3	Bb7	29	Bd4	Rg8	49					
10	Nb3	Nb8	30	Be2	Bc5	50					
11	Bf3	Nc6	31	Bxe3	Nx07	51					
12	Be2	h5	32	Bxb5	axb5	52					
13	f4	d6	33	Rxe3	Qg5	53					
14	Bf3	Rd8	34	Re2	Qg5	54					
15	Qe2	Ba8	35	Kc1	f5	55					
16	Qf2	Rb8	36	Nd4	Kc7	56					
17	h3	Nd7	37	Qa2	Rg6	57					
18	Rac1	Qd8	38	Qb3	Kd7	58					
19	Qd2	Be7	39	Qb4	fxc4	59					
20	Rf2	Nb6	40	Ndxb5	Nc6	60					

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (JUDGED)

18:32

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board 19

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
May Mahar		Thanthulage, Hesanya		Mya		Sri		1		0	
1	e4	c5	21	Qc1	g5	41	Qc4	Rg7			
2	Nf3	e6	22	Qd1	h4	42	Nxe4	d5			
3	d4	cxd4	23	Bg4	Nc4	43	Nf6	Kc8			
4	Nxd4	a6	24	Qc1	gxf4	44	Qc5	Rxb5			
5	Nc3	Qc7	25	Qx4	Bg5	45	Rxb5	Rb7			
6	Be2	Nf6	26	Qf3	Nc6	46	Qxc6				
7	O-O	Nc6	27	Qd1	Nxb2	47					
8	Be3	b5	28	Qa1	Nb4	48					
9	a3	Bb7	29	Bd4	Rg8	49					
10	Nb3	Nb8	30	Be2	Bc5	50					
11	Bf3	Nc6	31	Bxe3	Nx07	51					
12	Be2	h5	32	Bxb5	axb5	52					
13	f4	d6	33	Rxe3	Qg5	53					
14	Bf3	Rd8	34	Re2	Qg5	54					
15	Qe2	Ba8	35	Kc1	f5	55					
16	Qf2	Rb8	36	Nd4	Kc7	56					
17	h3	Nd7	37	Qa2	Rg6	57					
18	Rac1	Qd8	38	Qb3	Kd7	58					
19	Qd2	Be7	39	Qb4	fxc4	59					
20	Rf2	Nb6	40	Ndxb5	Nc6	60					

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (JUDGED)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18 Board 20

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Bahpetma, Savrina		Zhang Weiai									
#		#		#		#		#		#	
1	d4	d5	21	Qe2	f5	41					
2	c4	e6	22	Qh5	Rf7	42					
3	Nc3	Bc7	23	Rg3	Rg7	43					
4	Nf3 1:27	Nf6 1:32	24	Rg7	Kg7	44					
5	Bg5 1:26	O-O 1:32	25	Nc3	b4	45					
6	e3 1:27	Nbd7 1:32	26	Kd2	Rg8	46					
7	Qc2 1:27	c6 1:29	27	Rg1	Kf8	47					
8	h4 1:27	ab 1:07	28	Qh6	Ke7	48					
9	Bf6 1:27	Nf6 1:07	29	Rg8	bc	49					
10	Ne5 1:27	Rd6 1:01	30	Qg7		50					
11	Be2	Be5 48	31			51					
12	de 1:16	Nd7 48	32			52					
13	f4 1:14	b5 29	33			53					
14	cb 1:11	cb 37	34			54					
15	g4	Qb6	35			55					
16	Rh3	Bb7	36			56					
17	Bd3	h6	37			57					
18	g5	d4	38			58					
19	Nc4	ole	39			59					
20	gh	gh	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Zhang Weiai		Zhang Weiai		Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date Board 20

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Bahpetma, Savrina		Zhang Weiai									
#		#		#		#		#		#	
1	d4	d5	21	Qe7	Li	41					
2	c4	c6	22	Qh7	Rh7	42					
3	Nc3	Be7	23	Rg7	Rg7	43					
4	Nf3	Nf6	24	Rf7	Rg7	44					
5	O-O 1:26	O-O 1:32	25	Ke7	b6	45					
6	e3	Nbd7	26	Ke7	Rg7	46					
7	Qc2	c6	27	Rh7	Kd7	47					
8	h4	ab	28	Qh4	a7	48					
9	Bf6	Nf6	29	Rh7	gh7	49					
10	Ne5	od6	30	Qg7		50					
11	Be2	Be5	31			51					
12	de	Nd7	32			52					
13	f4	b5	33			53					
14	cb	cb	34			54					
15	g4	Qb6	35			55					
16	Rh3	Bb7	36			56					
17	Bd3	h6	37			57					
18	g5	d4	38			58					
19	Nc4	ole	39			59					
20	gh	gh	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Zhang Weiai		Zhang Weiai		Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18/6/26

Group
G12

Round
5

Board
21

WHITE zhao, yuangi (Rebecca)				FED NZL				RESULT (W)			
BLACK Victoria, Tourneau				FED THA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Nd5	Qe6	41			1		
2	g3	d5	22	Qxc8	Rxc8	42					
3	Bg2	Nf6	23	Rxc8	Ne8	43					
4	Nf3	Bc5	24	Rb5	Kf8	44					
5	d4	Bb4+	25	e4	Qd6	45					
6	Bd2	Bxd2+	26	Ra8	f5	46					
7	Nbxd2	0-0	27	Nc3	Qf6	47					
8	e3	Nbd7	28	Rdd8	Kf7	48					
9	0-0	c5	29	Rxe8	fxe4	49					
10	cxd5	Nxd5	30	Rxc8	Qb6	50					
11	Nc4	cxd4	31	Rxe5	Qxb2	51					
12	Nxd4	N7f6	32	Rxe4	Qb5	52					
13	Qb3	Qe7	33	Re2	Qa3	53					
14	Rac1	Qe5	34	Rc7	Kg6	54					
15	Nxf6	Nxf6	35	Rc6	Kf7	55					
16	Nb5	Be6	36	Nd5		56					
17	Qc3	Bd5	37			57					
18	Rfd1	Bg2	38			58					
19	Kxg2	a6	39			59					
20	Nc7	Rac8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ADJUDICATOR)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18/6/26

Group
G12

Round
5

Board
21

WHITE (Rebecca) Yuang Zhao				FED NZL				RESULT (W)			
BLACK Victoria, Tourneau				FED THA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Nd5	Qe6	41			1		
2	g3	d5	22	Qxc8	Rxc8	42					
3	Bg2	Nf6	23	Rxc8	Ne8	43					
4	Nf3	Bc5	24	Rb5	Kf8	44					
5	d4	Bb4+	25	e4	Qd6	45					
6	Bd2	Bxd2+	26	Ra8	f5	46					
7	Nbxd2	0-0	27	Nc3	Qf6	47					
8	e3	Nbd7	28	Rdd8	Kf7	48					
9	0-0	c5	29	Rxe8	fxe4	49					
10	cxd5	Nxd5	30	Rxc8	Qb6	50					
11	Nc4	cxd4	31	Rxe5	Qxb2	51					
12	Nxd4	N7f6	32	Rxe4	Qb5	52					
13	Qb3	Qe7	33	Re2	Qa3	53					
14	Rac1	Qe5	34	Rc7	Kg6	54					
15	Nxf6	Nxf6	35	Rc6	Kf7	55					
16	Nb5	Be6	36	Nd5		56					
17	Qc3	Bd5	37			57					
18	Rfd1	Bg2	38			58					
19	Kxg2	a6	39			59					
20	Nc7	Rac8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ADJUDICATOR)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:43

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
VARENYA LAKSHMI VAKA		ZHANASKYZY MEDINA		TND		KAZ	
1		2		3		4	
e4(g0) c6		Nh3(A7) h5		Ng5(e2) Rxh2			
Nc3(g0) Nc6		Qxh6(g18) Qxd3		Nxe4(e2) fxe4			
Bb5(g11) Nd4		Ne3(g19) Qxe4		Kq2(z2) Rn7			
Ph2(g2) Nxb5		Qg4(g22) Qxg4		Rxg2(z1) Rg7+			
Nxb5(g2) d5		Nxg4(g13) Nb4		Ke2(z22) Rxg2+			
Nc3(g0) d4		Bde2(g1) Rd5		Kq2(z2) Kac6			
Nce2(g0) e6		Kf7(g6) Bd8		Kf2(z22) Kd5			
Nt2(g13) b6		Rc1(c35) Nd3		Ke2(z22) Ke5			
O-O(g8) d3		Kc2(c33) Rh8		b2(z2) b5			
Cxd3(g6) Qxd3		Kg1(g1) Rf5		Q3(z22) Qe6			
Ng3(g6) Bb7		Rxf5(g19) Qxf5		Ke2(z2) Kd4			
Kh1(g2) Ne7		Nf2(g10) Ne1		Kd2(z12) Cu			
Nes(g8) Bde6		Rc1(z7) Nxg2		bxc4(z22) bxc4			
d3(g6) Nc6		Bxg5(z23) Rg8		ah(z12) e3+			
Nc4(g76) Qd7		Bxd8(g23) Kxd8		Ke2(z13) C3			
f5(g73) Be7		Kf1(z22) Bde7		Kd1(z23) Kd3			
fxe6(g9) fxe6		Nd3(z22) Bxd3+		Ke2(z3) c2			
Nhs(g46) Rg8		Kd2(z22) Be4		Kf1(z23) C1g4			
Nf4(g54) O-O-O		Rd1(z82) Kc7		Kq2(z2) Ke2			
Qg4(g50) g5		Rg1(g2) Rh8		Kq2(z24) Qc7+			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Fang		Fang		Fang		Fang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:43

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
VARENYA LAKSHMI VAKA		ZHANASKYZY MEDINA		TND		KAZ	
1		2		3		4	
Kq4(z23) Qf7							
Kq5(z23) Kf3							
Kx4(z23) Qf5							
Kq7(z23) Qe6							
Kq8(z4) Qd7							
Kq8(z25) e2							
Kq8(z25) e1=Q							
Kq8(z25) Qee8+							
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Fang		Fang		Fang		Fang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:43

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Varenya Lakshmi Vaka		Zhanaskyz Medina		Tnd		Kaz	
1		2		3		4	
e4		Nh3		Ng5		Rh2	
Nc3		Qh5		Ne1		fc	
Bb5		Ne3		Kq5		Rh5	
f4		a b		Kq2		Rg4	
Nc5		Ng1		Kd2		Rg2	
Nc3		Rd5		Kq2		e6	
Nce2		Kf4		Kh2		hd5	
Nf3		Kc1		Kd3		ke5	
O-O		Rc2		b3		b5	
Qd1		Kf5		e13		d5	
Ng3		Rf5		Ke2		Kd4	
Kh2		Ng4		Kd2		C1	
Ne5		Rc1		b6		b6	
d5		Bg7		e4		e3	
Nc4		BdP		Ke2		C8	
f5		Kd1		Kd2		Kd3	
Kc		Nd3		Ke2		C2	
(Rg8) Rh5		Kd1		Kd1		e1=Q	
Nc6		Rd1		Kq2		Kd2	
Qg1		Rg1		Kq3		Qc7	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Fang		Fang		Fang		Fang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:43

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Varenya Lakshmi Vaka		Zhanaskyz Medina		Tnd		Kaz	
1		2		3		4	
Kq1		Qf4					
Kq5		Kf3					
Kh6		Qf5					
Kq5		Qe6					
Kf7		Qd4					
Kq2		e2					
Kf7		e1=Q					
Kq2		Qe7+					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Fang		Fang		Fang		Fang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 28/07/26 Board: 23

Group: G12
Round: 03

WHITE		Ye Shuhan		FED		CHN		28/07/26		2	
BLACK		Zouwen Mehlish		FED		BAN		RESULT (W)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	e5	21	Rxg3	Rb4	41					
7	Nf3	Nc6	22	Qa6	Nf4	42					
3	Nc3	d6	23	Bxf4	exf4	43					
1	d4	Bg4	24	Rg4	Qe7	44					
5	dB	Nd4	25	Qc8+	Qa8	45					
6	Be2	Nxe2	26	Qxe7		46					
7	Qxe2	Be7	27			47					
8	h3	Bh5	28			48					
9	Qb9+	Kf8	29			49					
10	Qxf7	Bxf7	30			50					
11	gxf3	a6	31			51					
12	Qc6	Bh4	32			52					
13	Rg4	Ne7	33			53					
14	Qc4	Ngc	34			54					
15	Qc6	Ne7	35			55					
16	Qc4	Ng6	36			56					
17	Nb2	Qd7	37			57					
18	Ng3	a5	38			58					
19	Ba3	Rb8	39			59					
20	O-O	Bxg3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Ye Shuhan			Zouwen Mehlish			Fang					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 20/07/26 Board: 23

Group: G12
Round: 03

2011		Ye Shuhan		FID		CHN		2011		FID		RESULT (W)		
BLACK		Zouwen Mehlish		FID		BAN		0		FID		RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rg3	Bb4	41								
2	Nf3	Nc6	22	Qa6	Nf4	42								
3	Nc3	d6	23	Bf4	ef	43								
4	d4	Bg4	24	Rg4	Qe7	44								
5	d5	Nd4	25	Qc8	Qa8	45								
6	Be2	Nxe2	26	Qxe7		46								
7	Qe2	Be7	27			47								
8	L3	Bh5	28			48								
9	Qb5	Kf8	29			49								
10	Qxf7	Bxf7	30			50								
11	gxf	Qb	31			51								
12	Qc6	Bh4	32			52								
13	Rg1	Ne7	33			53								
14	Qc4	Ng6	34			54								
15	Qc6	Ne7	35			55								
16	Qc4	Ng6	36			56								
17	Ne2	Qd7	37			57								
18	Ng3	Q5	38			58								
19	Qe3	Re8	39			59								
20	Q-Q-O	Rg3	40			60								
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
Ye Shuhan								Fang						

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhumabek Nursaya		Fed KAZ		Result (1)		1		Chen Yuechen		Fed CHN	
Chen Yuechen		Fed CHN		Result (2)		0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kf3	c5	21	Qd3	Qa2	41					
2	g3	e6	22	Re4	Re5	42					
3	c3	Re6	23	Qd4	Kc6	43					
4	O-O	Kf6	24	Qc5	Nb6	44					
5	c4	ce7	25	f4	Qc7	45					
6	Kc3	O-O	26	Qd6	Qc3	46					
7	d3	d5	27	f5	oc8	47					
8	ca	ed	28	t6	Pol4	48					
9	c95	de6	29	Kp11	g4	49					
10	d4	h6	30	Kg6	Qb4	50					
11	cf6	cf6	31	Qf6	Qd4	51					
12	dc	Kc3	32	Qf7	.	52					
13	bc	Qa5	33			53					
14	Nb1	Qc5	34			54					
15	Qd3	h6	35			55					
16	Nb5	Qc4	36			56					
17	Qb1	Qe2	37			57					
18	Nb2	Qa6	38			58					
19	Nb8	Nb3	39			59					
20	Qe2	Qa3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
		Chen Yuechen		Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhumabek Nursaya		Fed KAZ		Result (1)		0		Chen Yuechen		Fed CHN	
Chen Yuechen		Fed CHN		Result (2)		0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	c5	21	Qd3	Qa2	41					
2	g3	e6	22	Nh4	Ne5	42					
3	Bg2	Nc6	23	Nd4	Nc6	43					
4	O-O	Nf6	24	Qc5	Rb6	44					
5	c4	Be7	25	Qc4	Qd6	45					
6	Nc3	O-O	26	Qc3	f5	46					
7	ab	d5	27	Bc8	f6	47					
8	cd	ed	28	Qd4	Kh1	48					
9	Bg5	Bb6	29	Qf	Ng6	49					
10	d4	h6	30	Qb4	Qf6	50					
11	Bf6	Bf6	31	Qd4	Qf7	51					
12	dc	Bc3	32			52					
13	bc	Qa5	33			53					
14	Rb1	Qc3	34			54					
15	Qe3	Rab8	35			55					
16	Rb5	Qc4	36			56					
17	Qb1	Qe2	37			57					
18	Rb7	Qa6	38			58					
19	Rb8	Rb8	39			59					
20	Qc2	Qa3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
		Chen Yuechen		Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7.16 Board: 25

WHITE		BLACK		FED		FED		FED		FED	
Zhang Xiao yao		Vo Mai Phuong		CHN		VIE		CHN		VIE	
1		2		3		4		5		6	
k84		Rc4		21		Re1		Rb1		41	
kcs		Kc6		22		Re2		B3		42	
Rb7		Kb6		23		Re5		Ka2		43	
kct		Rd4		24		Kb4		Rd1		44	
Kd5		Rd4		25		Kc3		b2		45	
Rd7		Kd5		26		Rb5		b1=Q		46	
Kc6		Rd4		27		Rb1		Kd1		47	
Kd6		Kd5		28		Kb3		a2		48	
Rg7		Rd1		29		Kc4		a1=Q		49	
Kc6		Kd5		30		Kd5		Rd4		50	
Kd7		Kd3		31		Kc5		Qe5		51	
Rd7		Kc3		32		Kc6		Rd6		52	
Rd7		Kb3		33		Kd7		Qg7		53	
Rd3		Kd2		34		Kc8		Rd8		54	
Rd2		Rg2		35						55	
Rd4		Rb5		36						56	
Kd5		Rd4		37						57	
Rd4		Rb3		38						58	
Rd3		b4		39						59	
Kd4		Kd1		40						60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Zhang Xiao yao		Vo Mai Phuong		Fang							

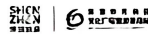
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7.16 Board: 25

WHITE		BLACK		FED		FED		FED		FED	
Zhang Xiao yao		Vo Mai Phuong		CHN		VIE		CHN		VIE	
1		2		3		4		5		6	
e4		c5		21		Hg5		ed		41	
c3		Mf6		22		cd		Tc5		42	
e5		Md5		23		Hd2		Hd2		43	
Mf3		Md6		24		Md2		Xfd8		44	
ed d4		cd		25		Me4		Td5		45	
ed6 cd		ed d6		26		Td5		Xd5		46	
ed6 ed		Me3 eb		27		Mc5		Xdc5		47	
Mc3		Td6		28		Xe7		Xc5c7		48	
Tc4		Mc3		29		Xae1		Vp8		49	
bc		o-o		30		X7e4		f6		50	
o-o		b6		31		h4		Vf7		51	
Tb2		Tb7		32		a4		Xd7		52	
Tb3		Xc8		33		g4		Xcc7		53	
Tld3		Me7		34		Xf4		Xf4 Xc6		54	
c4		Ng6		35		Vg3		Xcd6		55	
Xe1		Mf4		36		Xe1		Ve7		56	
Tle3		Hf6		37		Xc8		Xd4		57	
g3		Mb3		38		Xd4		Xd4		58	
Vg2		Mg5		39		Xc7		Xd7		59	
d5		Hb2		40		Xc6		hb		60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Zhang Xiao yao		Vo Mai Phuong		Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18

Group: 2-12
Round: 3
Board: 25

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1		21		41		61					
2		22		42		62					
3		23		43		63					
4		24		44		64					
5		25		45		65					
6		26		46		66					
7		27		47		67					
8		28		48		68					
9		29		49		69					
10		30		50		70					
11		31		51		71					
12		32		52		72					
13		33		53		73					
14		34		54		74					
15		35		55		75					
16		36		56		76					
17		37		57		77					
18		38		58		78					
19		39		59		79					
20		40		60		80					

SIGNATURE (WHITE): Zhang Xinyan
SIGNATURE (BLACK): Phung
SIGNATURE (ARBITER): Fang

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18

Group: 2-12
Round: 3
Board: 25

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1		21		41		61					
2		22		42		62					
3		23		43		63					
4		24		44		64					
5		25		45		65					
6		26		46		66					
7		27		47		67					
8		28		48		68					
9		29		49		69					
10		30		50		70					
11		31		51		71					
12		32		52		72					
13		33		53		73					
14		34		54		74					
15		35		55		75					
16		36		56		76					
17		37		57		77					
18		38		58		78					
19		39		59		79					
20		40		60		80					

SIGNATURE (WHITE): Zhang Xinyan
SIGNATURE (BLACK): Phung
SIGNATURE (ARBITER): Fang

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17:46

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛				Group G12 Round 3		Date 11/7	Round 26	
Asyraf, Aesya				11P MAS		11P 1/2		
Truong Nguyen Thien An				11P VIE		11P 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ck4	ds	11	Mb7	4b7	11	Hd4	Hd4
2	ch	cb	22	Nes	cs	12	ed	Vf8
3	Mh3	Mh6	33	dc	xc5	13	g3	Tf6
4	Mc3	db	44	xc5	7cs	14	Md7	Ve7
5	Tg5	Te7	55	Mc4	Tb4	15	Mh6	Mh6
6	d3	Mbd7	66	R3	Xd8	16	Vg2	Vd6
7	Te2	de	77	Tb7	Vh2	17	f4	Me4
8	Tc4	b5	88	Xd8	Te7	18	Vf3	fs
9	Td3	Tb7	99	Mha5	Hb7	19	g4	Vd5
10	O-O	O-O	100	Xa3	Md9	20	bc	de et
11	a3	a5	111	Mc4	Hb7	21	g4	g5
12	Xd4	R6	122	Xh1	g6	22	fg	hg
13	Tb4	xc8	133	Mh5	Hg6	23	hg	Ng5
14	Xc1	xe8	144	Mh4	Hb7	24	Vb4	Me6
15	He2	b4	155	He2	Vg7	25	Vf5	Md9
16	ab	Tb4	166	Xb1	Mb4	26	Vf5	Vc4
17	Xed1	Hb6	177	Hd2	Hc6	27	ve4	Mb5
18	Ma4	Ha7	188	Hc3	Vg8	28	Xe3	Vb5b
19	Tf6	Mh6	199	Me5	He4	29	Ve3	Ma7
20	Mc5	xc7	200	Xd1	Md5	30	Vd2	Md5
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17:46

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

9/2

Round
7
Board
26

Date
19/1

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		
Lana Aesya		MAS		1/2		1/2		
Truong Nguyen Thien An		VIE		1/2		1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kb2	Nq5	21			11		
2	Rh3	Kb4	22			12		
3	Rh4	Kb5	23			13		
4	Rh5	Kb4	24			14		
5	Rxq5	Kxq5	25			15		
6	Kcb3	Kb5	26			16		
7	Kb3	Kxq5	27			17		
8	Kq4	Kb6	28			18		
9	Kb4	Kc6	29			19		
10	Ka5	Kb7	30			20		
11	Kb5	Ka5	31			21		
12	b4	Kb7	32			22		
13	Kc5		33			23		
14			34			24		
15			35			25		
16			36			26		
17			37			27		
18			38			28		
19			39			29		
20			40			30		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17:46

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group C12			
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round 3			
    						Date 18/7		Board 26	
WHITE Lana Aesya Bt Asyraf				FED MAS		RESULT 00 1/2			
BLACK Truong Nguyen Thien An				FED VJE		RESULT 00 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Du	D5	21	Nxb7	Qxb7	11	Qd4	Qxd1	
2	Cu	C6	22	Nes	Cd5	12	exd4	Kf3	
3	Nf3	Nf6	23	dxc4	Rxc4	13	g3	Bf6	
4	Nc3	e6	24	Rxc4	Bxc5	14	Nd7	Ke7	
5	Bg5	Be7	25	Nc4	Bc4	15	Nxg6	Nxf6	
6	a3	Nbd7	26	k3	Rd8	16	Kg2	Kd6	
7	Be2	dxc4	27	Bh7+	Kxh7	17	f4	Ne4	
8	Bxc4	b5	28	Rxd8	Be7	18	Kf3	f5	
9	Bd3	Bb7	29	Nxq5	Qc7	19	g4	Kd4	
10	O-O	O-O	30	Rq8	Nd5	20	exf5	exf5	
11	q3	a5	31	Nc4	Qb7	21	h4	g5	
12	Re1	h6	32	Rq1	g6	22	fxf5	hxf5	
13	Bh4	Rc6	33	Nq4	Qb6	23	h4	Nxg5	
14	Rc1	Re8	34	Nc4	Qb7	24	Kf4	Nc6	
15	Qe2	b4	35	Qc2	Kg7	25	Kxf5	Nxd4	
16	axb4	Bxb4	36	Rb1	Nb4	26	Kf4	Kb4	
17	Red1	Qb6	37	Qd2	Qc6	27	Ke4	Nb5	
18	Nq4	Qa7	38	Qc3+	Kg8	28	Kd3	Kb4	
19	Bxf6	Nxf6	39	Nec	Qx4	29	Kc8	Nq7	
20	Nfs	Kc7	40	Rd1	Nd5	30	Kd2	Nb6	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
									

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17:46

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
G12
Round
3

Board
26

Date
18/7

WHITE		BLACK		RED MAS		RED VIE		Result	OD
Asyraf, Lana Aesya		Truong Nguyen Thien An						1/2	1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Vf2	Mha5	21			11			
2	Xh3	Vc4	22			12			
3	Xh4	Vg5	23			13			
4	Xh5	Vg4	24			14			
5	Xa5	Var	25			15			
6	Vc3	Vb5	26			16			
7	Vb3	Vc5	27			17			
8	Vb4	Vb6	28			18			
9	Vb4	Vc6	29			19			
10	Va5	Vb7	30			20			
11	Vb5	Va8	31			21			
12	b4	Vb7	32			22			
13	Vc5	Vc7	33			23			
14			34			24			
15			35			25			
16			36			26			
17			37			27			
18			38			28			
19			39			29			
20			40			30			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:09

Group A12

Round 3

Board 27

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhang Jialan				CHN		Result (P)		1/2			
Shen Siyan				CHN		Result (B)		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Kf1	Ke7	41					
2	c4	e6	22	Ka1	Bb7	42					
3	Nc3	Bb4	23	Kd2	f6	43					
4	Qc2	d5	24	Ne1	Kd6	44					
5	e3	O-O	25	Nc2	e5	45					
6	a3	Bc3	26	de+	fe	46					
7	Qc3	Nbd7	27	Ne3	Ne3	47					
8	Nf3	dc	28	Ke3	a2	48					
9	Bd4	c5	29	Bd3	h6	49					
10	O-O	cd	30	Ka2	Bd5	50					
11	ed	bb	31	Kc3	Kc5	51					
12	Bg5	Qc7	32	b4+	abt	52					
13	Bf6	Np5	33	abt	Kd6	53					
14	Rac1	Bb7	34	Bf5	Bf7	54					
15	Be2	Qc3	35	Be4	Bd5	55					
16	Rc3	Rac8	36	Bf5	Bf7	56					
17	Rfcl	Nd5	37	Be4		57					
18	Rc8	Rc8	38			58					
19	Rc8+	Bc8	39			59					
20	g3	Kf8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Zhang Jialan		Shen Siyan		Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17:09

Group A12

Round 3

Board 27

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhang Jialan				CHN		Result (P)		1/2			
Shen Siyan				CHN		Result (B)		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Kf1	Ke7	41					
2	c4	e6	22	Ke1	Bb7	42					
3	Nc3	Bb4	23	Rf2	f6	43					
4	Qc2	d5	24	Ne1	Kd6	44					
5	e3	O-O	25	Nc2	e5	45					
6	a3	Bc3	26	de	fe	46					
7	Qc3	Nbd7	27	Nc3	Ne3	47					
8	Nf3	dc	28	Ke3	a5	48					
9	Bd4	c5	29	Bd3	h6	49					
10	O-O	cd	30	Ka2	Bd5	50					
11	ed	bb	31	Kc3	Kc5	51					
12	Bg5	Qc7	32	b4+	abt	52					
13	Bf6	Np5	33	abt	Kd6	53					
14	Rac1	Bb7	34	Bf5	Bf7	54					
15	Be2	Qc3	35	Be4	Bd5	55					
16	Rc3	Rac8	36	Bf5	Bf7	56					
17	Rfcl	Nd5	37	Be4		57					
18	Rc8	Rc8	38			58					
19	Rc8+	Bc8	39			59					
20	g3	Kf8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Zhang Jialan		Shen Siyan		Tang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:35

Group
12

Round
3

Date
18

Board
28

WHITE				BLACK				
Truc Lam Nguyen Thi Truc Lam				Minh Khue Tran Ngoc Minh Khue				
FED VEF				FED VFE				
RESULT (X)				RESULT (O)				
1/2				1/2				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd2	Qd6	41	Rb6	Kf7
2	c4	c6	22	Qd1	f6	42	Kg3	Re3
3	Nc3	d5	23	Qe2	e5	43	Kf2	Rb3
4	cd	cd	24	de	fe	44		
5	Bf4	Nf6	25	Rd2	Qg6	45		
6	e3	e6	26	f3	Bb5	46		
7	Bb5	Bd7	27	Qf2	Qf2	47		
8	Bc6	Bc6	28	Rd1	ef	48		
9	Nf3	Be7	29	Qf3	Rf7	49		
10	O-O	O-O	30	Qd5	Qg3	50		
11	BNe5	Nd7	31	e4	Qe3	51		
12	Rc1	Ne5	32	Kh1	Rf8	52		
13	Be5	Bd6	33	Nb5	ab5	53		
14	Bd6	Qd6	34	e5	Qb6	54		
15	Qe2	Rf8	35	Rf1	Qc6	55		
16	Re2	Re7	36	Rf7	Rf7	56		
17	Rc1	Re8	37	Qc6	bc6	57		
18	a3	a6	38	Rd6	Rf1	58		
19	h3	h6	39	Kh2	Re1	59		
20	Qd1	Qd7	40	Rc6	Re5	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Khu				Tang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:35

Group
12

Round
3

Date
18

Board
28

WHITE				BLACK				EP101/26		28	
Nguyen Thi Truc Lam				Tran Ngoc Minh Khue				FED VIF		RESULT (O) 1/2	
BLACK								FED VIF		RESULT (O) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	Nf6	21	Qe2	Qd6	41	Rb6	Kf7			
2	c4	c6	22	Qd1	f6	42	kg3	Re3			
3	Nc3	d5	23	Qe2	d5	43	Kf2	Rb3			
4	cd	cd	24	de	fe	44					
5	Bf4	Nc6	25	Rod2	Qg6	45					
6	e3	e6	26	f3	Bb5	46					
7	Bb5	Bd7	27	Qf2	Qf2	47					
8	Bc6	Bc6	28	Rcd1	ef3	48					
9	Nf3	Be7	29	Qf3	Rf7	49					
10	O-O	O-O	30	Qd5	Qg3	50					
11	Ne5	Nd7	31	e4	Qe3	51					
12	Rc1	Ne5	32	Kh1	Rcf7	52					
13	Be5	Bd6	33	Nq5	hg	53					
14	Bd6	Qd6	34	e5	Qb6	54					
15	Qe2	Rf8	35	Rf1	Qc6	55					
16	Re2	Rc7	36	Rf7	Rf7	56					
17	Rfd1	Rf8	37	Qc6	bc	57					
18	a3	a6	38	Rd6	Rf1	58					
19	h3	h6	39	Kh2	Re1	59					
20	Qd1	Qd7	40	Rc6	Re5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Khu				Tang							

15:56

15:56

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛 Group Round									
SINGAPORE CHESS ASSOCIATION SINGAPORE CHESS ASSOCIATION									
Hotel City				Ref Ref		Date Round		Result (W) Result (D)	
Trader Hotel Co MYA				THA 		18/2/26 29		0 1	
Black White				Black White		Black White		Black White	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	b4	c6	41			
2	Nf3	Nc6	22	Ma7	Ra8	42			
3	Bc4	Nf5	23	Nxc6	bxc6	43			
4	Nc3	Nf6	24	Re1	Rc8	44			
5	d3	d6	25	Rc8 Re2	e4	45			
6	K3	K6	26			46			
7	Bc3	Bb6	27			47			
8	a3	bxc6	28			48			
9	Bb3	Bxb3	29			49			
10	Ob3	O-O	30			50			
11	O-O	d5	31			51			
12	e4	Nxd5	32			52			
13	Qc2	Bxc3	33			53			
14	fxc3 fxc3	Qxc3	34			54			
15	Qd2	Nxf1	35			55			
16	Rxf1	Wd4	36			56			
17	Nd4	Qxd4+	37			57			
18	Kx1	Ra8	38			58			
19	Nb5	Qxc3	39			59			
20	Qe3	Rc8	40			60			
SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK)			
Trader 						Tong 			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/07/18 Board 30

WHITE Huang zhiying				FED CHN				RESULT (0)			
BLACK Yi Rui yu				FED CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	af3 e4	41	Bf8	h5				
2	Nf3	db6	22	Bf1	d4	42	Bg7	Ba3			
3	d4	cd	23	Na2	a5	43	ke2	Bd6			
4	Nd4	Nb6	24	af4	Bg6	44	ko3	a4			
5	Nc3	ab	25	Qc7	Qc7	45					
6	Bd3	Nb6	26	Be7	Nb6	46					
7	Nc6	bc	27	Bg3	Rac8	47					
8	o-o	e5	28	Bb5	Ra8	48					
9	Bg5	Be7	29	Rbc1	Bg5	49					
10	Re1	o-o	30	Rcd4	Rc2	50					
11	Rb1	h6	31	Rd4	Rb2	51					
12	Bh4	Be6	32	Bd4	Nb6	52					
13	a3	Qc7	33	Rd1 Rd4		53					
14	Bg3	Nd7	34	Rd4	Nc4	54					
15	Qb3	Bf6	35	Rc4	Rb1	55					
16	Bf1	Nb6	36	Nc1	Rc1	56					
17	ds	ed	37	Re1	Be1	57					
18	cd	Rf8	38	Rb6	f5	58					
19	Qd2	Qb7	39	g3	Rf7 Kf7	59					
20	Re1	Bf5	40	H1	ke6	60					
SIGNATURE (WHITE) Huang zhiying				SIGNATURE (BLACK) Yi Rui yu				SIGNATURE (ARBITER) Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/07/18 Board 30

WHITE Huang zhiying				FED CHN				RESULT (0)			
BLACK Yi Rui yu				FED CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re1	Bf5	41	Kf1	Ke6			
2	Nf3	d6	22	Bd3	e4	42	Bf8	h5			
3	d4	cd	23	Bf1	d4	43	Bxg7	Bxa3			
4	Nxd4	Nf6	24	Na2	a5	44	Ke2	Bd6			
5	Nc3	ab	25	Qf4	Bg6	45	Bc3				
6	Bd3	Nc6	26	Qxc7	Qxc7	46					
7	Nxc6	bc	27	Bxc7	Nd5	47					
8	o-o	e5	28	Bg3	Rc8	48					
9	Bg5	Be7	29	Bb5	Rd8	49					
10	Re1	o-o	30	Rc1	Bg5	50					
11	Rb1	h6	31	Rd1	Rxc2	51					
12	Bh4	Be6	32	Rxd4	Rxb2	52					
13	a3	Qc7	33	Bc4	Nb6	53					
14	Bg3	Nd7	34	Rd1	Rxd4	54					
15	Qf3	Bf6	35	Rxd4	Nxc4	55					
16	Bf1	Nb6	36	Rd1 Rb1		56					
17	Rd1	d5	37	Nc1	Rxb1	57					
18	ed	cd	38	Rxc1	Bxc1	58					
19	Qe2	Rd8	39	Bd3	f5	59					
20	Qd2	Qb7	40	g3	Kf7	60					
SIGNATURE (WHITE) Huang zhiying				SIGNATURE (BLACK) Yi Rui yu				SIGNATURE (ARBITER) Tang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18 Board 31

WHITE Cao Yuxuan				FID CHN				RESULT 1/2			
BLACK Liu Yuanjia				FID CHN				RESULT 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	Rhe1	Be6	41					
2	c3	e5	22	a3	Rg8	42					
3	Nf3	Nc6	23	Rf1	Rf1	43					
4	d4	cd	24	Rf1	Rd8	44					
5	cd	od	25	Bf5	Rd2	45					
6	Nd4	Nf6	26	Kh3	Bd5	46					
7	Nc6	dc	27	Rf4	Ra2	47					
8	Rd8	Kd8	28	c4	Bb2	48					
9	Nc3	Bb4	29	Kg4	Ra3	49					
10	Bg5	Re8	30	Rf2	Bh1	50					
11	Bf6	gf	31	Rf1	A5	51					
12	f3	f5	32	Rf4	Bg2	52					
13	Kf2	Bc3	33	Rf2		53					
14	bc	fe	34			54					
15	Rd1	Kc7	35			55					
16	fe	Re4	36			56					
17	Bd3	Rh4	37			57					
18	g3	Rh6	38			58					
19	h4	Rf6	39			59					
20	Kg2	h6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Cao Yuxuan				SIGNATURE (BLACK) Liu Yuanjia				SIGNATURE (ARBITER) Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026 7.18 Board 31

WHITE Cao Yuxuan				FID CHN CHN				RESULT 1/2			
BLACK Liu Yuanjia				FID CHN				RESULT 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	Rhe1	Be6	41					
2	c3	e5	22	a3	Rg8	42					
3	Nf3	Nc6	23	Rf1	Rf1	43					
4	d4	cd	24	Rf1	Rd8	44					
5	cd	ed	25	Bf5	Rd2	45					
6	Nd4	Nf6	26	Kh3	Bd5	46					
7	Nc6	dc	27	Rf4	Ra2	47					
8	Rd8	Kd8	28	c4	Bf2	48					
9	Nc3	Bb4	29	Kg4	Ra3	49					
10	Bg5	Re8	30	Rf2	Bh1	50					
11	Bf6	gf	31	Rf1	A5	51					
12	f3	ft	32	Rf4	Bj2	52					
13	Kf2	Bc3	33	Rf2		53					
14	bc	fe	34			54					
15	Rd1	Kc7	35			55					
16	fe	Re4	36			56					
17	Bd3	Rh4	37			57					
18	g3	Rh6	38			58					
19	h4	Rf6	39			59					
20	Kg2	h6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Cao Yuxuan				SIGNATURE (BLACK) Liu Yuanjia				SIGNATURE (ARBITER) Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18 Board: 32

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Ding Shixuan (Rd 1537)		Du Licheng (Rd 1479)		CHN		CHN		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rh7.	Rg1.	81	Rh6.	Ra1.	11					
2	Kf5.	Rf1.	82	a7.	Ra7.	12					
3	Kg4.	Rg1.	83	Ka7.	Kd7.	13					
4	g5.	Rf1.	84	Rh6.	Kc7.	14					
5	Ke5.	Ra1.	85	Ka6.	Kd7.	15					
6	Kd5.	Rd1.	86	Kb5.	Ke7.	16					
7	Kc5.	Rd1.	87	Kc5.	Kf1.	17					
8	Kb5.	Rd1.	88	Kd5.	Kg1.	18					
9	Ka5.	Rd1.	89	Ra6.	Kh1.	19					
10	a4.	h7.	90	Kd5.	Rg7.	20					
11	Kd1.	h2.	91	Kf5.	Kh7.	21					
12	a5.	Re1.	92	Rg6.	Kh8.	22					
13	Rh1.	Ra6.	93	Kf6.	Kh7.	23					
14	Kb7.	Re1.	94	Kf7.	Kh8.	24					
15	Kb6.	Re6.	95	Rh6#		25					
16	Kc7.	Re1.	96			26					
17	Rh6.	Rf1.	97			27					
18	Rc6.	Ra1.	98			28					
19	ab.	Ke7.	99			29					
20	Kb7.	Rb1.	100			30					
SIGNATURE WHITE Ding Shixuan				SIGNATURE BLACK Du Licheng				SIGNATURE URBITH Fang			

17th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18 Board: 32

Ding Shixuan (Rd 1537)	CHN	1
Du Licheng (Rd 1479)	CHN	0

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		
Ding Shixuan		Du Licheng		CHN		CHN		1		0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d9.	1:30:51	Nf6.	1:11:59	11	f9.	1:17:19	Nb6.	1:20:20	11	Rb3f1h7.	Rc1.
2	g4.	1:31:17	eb6.	1:31:19	12	00f.	1:23:37	Ad1.	1:38:05	12	Kd1h8.	Rc1.
3	Nf3.	1:31:31	b6.	1:31:37	13	0b3.	1:31:46	Kb8.	1:31:38	13	Kg7.	1:31:38
4	g3.	1:31:38	Rd1.	1:31:59	14	0b.	1:33:41	Ad5.	1:37:32	14	h4.	1:38:32
5	Bg1.	1:32:10	Rd1.	1:32:17	15	Ra1d1.	1:37:51	Rc5.	1:37:59	15	Kf1.	1:38:59
6	0-0.	1:32:28	0-0.	1:32:32	16	Rc5.	1:20:18	0a5.	1:10:30	16	Rd1.	1:39:27
7	Bf1.	1:32:37	d5.	1:32:37	17	0a3.	1:20:27	0c5.	1:11:55	17	g4.	1:46:34
8	Ad1.	1:31:59	Nb1.	1:32:36	18	0c5.	1:20:37	b6.	1:17:17	18	Kd4.	1:14:44
9	Ad1.	1:32:37	c5.	1:30:36	19	Rd1.	1:20:55	Ra8.	L11.	19	Rc3.	1:22:45
10	d1.	1:32:37	Bc1.	1:30:42	20	Nc2.	1:20:40	Nd5.	1:10:50	20	Rc5.	1:11:57
11	d1.	1:32:37	Nb5.	1:30:53	21	Nd4.	1:22:10	Nb4.	1:07:37	21	Rc5.	1:11:57
12	Rc5.	1:31:38	Nb1.	1:29:39	22	0a3.	1:17:37	Nc3.	1:07:10	22	Ra7.	1:32:27
13	0a3.	1:29:39	f6.	1:28:45	23	Ra1.	1:17:37	f5.	1:07:53	23	Ra1.	1:32:27
14	Rd4.	1:29:39	Bd4.	1:27:59	24	Nc1.	1:17:37	Rc1.	1:07:53	24	Ke5.	1:32:27
15	Nd4.	1:29:39	Nb3.	1:27:59	25	Nb5.	1:17:37	g6.	1:05:01	25	Rd1.	1:32:27
16	Bb5.	1:29:39	Bb6.	1:24:27	26	Nh4.	1:17:37	0a5.	1:04:35	26	eb.	1:11:38
17	Rc5.	1:29:39	Rc1.	1:24:27	27	Nb3.	1:17:37	Rb6.	1:04:35	27	Kd6.	1:11:38
18	0a3.	1:29:39	0a5.	1:24:27	28	Rc1.	1:17:37	Rd6.	1:04:35	28	Ke5.	1:11:38
19	cd.	1:27:59	cd.	1:24:30	29	0a5.	1:17:37	Nd5.	1:04:35	29	Kf6.	1:11:38
20	0a4.	1:28:20	Nc5.	1:24:30	30	fc.	1:17:37	Re5.	1:04:35	30	Kg6.	1:11:38
SIGNATURE WHITE Ding Shixuan				SIGNATURE BLACK Du Licheng				SIGNATURE URBITH Tang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18
Round: 33

WHITE				BLACK				
XU, Wen				CHN				
Aishath Noya Shukurudheen Sharaf				MPV				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	11	Rxe5	a5	11	Rxb2	Ke5
2	Nf3	Nc6	12	Rd1	b5	12	Rb6+	Kc4
3	d4	exd4	13	Rxd8	Knd8	13	Rf5+	Ka3
4	Nxd4	Bc5	14	Re6	Kd7	14	Rd5	Rg8
5	Be3	Bb6	15	Rd6+	Kc7	15	Rd2+	Kf4
6	Nxc6	dxc6	16	Rg6	Rh8	16	c4	Kg3
7	Qc1	Kxd8	17	Rg7+	Kd8	17	Rd2	Rc8
8	Bxb6	cxb6	18	Rxb7	a4	18	Kc3	Rg3
9	Bc4	Ba6	19	Rb8+	Kd7	19	c5	Rc8
10	Bxc6	Rxc6	20	Nxh6	Rxh6	20	Kc4	Kf4
11	Nd2	e5	21	Rxg8	Rh5	21	Rd5	Rc7
12	Nf4	Nf6	22	Kd2	Kc1	22	Rf5+	Kc3
13	0-0-0	Kc7	23	Ke3	Kc6	23	Rxg5	Kf4
14	Rhe1	Rh8	24	Rc8	Ke5	24	Rd5	Rc8
15	h3	h6	25	Rxc6	Rh8	25	Kb5	Rb8+
16	Nh4	g5	26	Rc5	Kf6	26	Ka6	Ra8+
17	Nf5	Rh8	27	Rxb5	Rc8	27	Kb7	Rxa2
18	f3	Rh7	28	c3	a3	28	c6	Rxg2
19	Rd6	Ng8	29	Kd3	Rd8+	29	c7	Rg7
20	Rd6	Rd8	30	Kc2	cxb2	30	Kb8	Rc7
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
XU Wen				Tang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18
Round: 33

XU Wen			CHN			1		
Aishath Noya Shukurudheen Sharaf			MPV			6		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kc1	Kf3	11			11		
2	e5	Kc4	12			12		
3	e6	Kc5	13			13		
4	e7	Kc6	14			14		
5	Qd1	Kc7	15			15		
6	Qd2	Kc8	16			16		
7	Kf4	Kc9	17			17		
8	Kf5	Kc10	18			18		
9	Kc4	Kc	19			19		
10	Kc3	Kc2	20			20		
11	Kc3	Kc2	21			21		
12	Kc3	Kc2	22			22		
13	Kc2	Kc1	23			23		
14	Kc1	Kc	24			24		
15	Kc5	Kc9	25			25		
16	Kc4	Kc8	26			26		
17	Kc1	Kc7	27			27		
18	Kc1	Kc7	28			28		
19			29			29		
20			30			30		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (UNITED)		
XU Wen			Tang			Tang		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18
Round: 33

WHITE				BLACK				
XU Wen				CHN				
Aishath Noya Shukurudheen Sharaf				MPV				
RESULT (W)				RESULT (B)				
0				0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 90	e5 90	21	Re5	a5	11	Rd2	Ke5
2	Nf3	Nc6	22	Rd1	b5	12	Rb6	Kc4
3	d4	cd	23	Rd8	Kd8	13	Rf5	Ka3
4	Nd4	Bc5	24	Re6	Kd7	14	Rd5	Rg8
5	Be3	Bb6	25	Rd6	Kc7	15	Rd2	Kf4
6	Nc6	dc	26	Qg6	Rh8	16	c4	Kg3
7	Qd8	Kd8	27	Rg7	Kd8	17	Rd2	Rc8
8	Bb6	cb	28	Rxb7	a4	18	Kc3	Rg3
9	Bc4	Be6	29	Rb8	Kd7	19	c5	Rc8
10	Be6 89	Je 88	30	Nxh6	Rxh6	20	Kc4	Kf4
11	Nd2	e5	31	Rxg8	Rh5	21	Rd5	Rc7
12	Nf3	Nf6	32	Kd2	Kc1	22	Rf5	Kc3
13	0-0-0	Kc1	33	Ke3	Kc6	23	Rxg5	Kf4
14	Rhe1	Rh8	34	Rc8	Ke5	24	ed5	Rc8
15	h3	h6	35	Rxc6	Rh8	25	Kb5	Rb3
16	Nh4	g5	36	Rc5	Kf6	26	Ka6	Ra8
17	Nf5	Rh8	37	Rxb5	Rc8	27	Kb7	Ra2
18	f3	Rh7	38	c3	a3	28	c6	Rg2
19	Rd6	Ng8	39	Kd3	Rd8	29	c7	Rg7
20	Rd6	Rd8	40	Kc2	ab42	30	Kb8	Rc7
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
XU Wen				Tang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18
Round: 33

WHITE		XU, Wen		RED CHN		RESULT (N)		1	
BLACK		Aishath Noya Shukurudheen Sharaf		RED MPV		RESULT (M)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Kxc7	Kxf3	21			11			
2	e5	Ke4	22			12			
3	Kxc6	Kd5	23			13			
4	Kxc7	Kc6	24			14			
5	Kxc8	Kf5	25			15			
6	Kxc9	Kg5	26			16			
7	Kxc10	Kh5	27			17			
8	Kxc11	Kg3	28			18			
9	Qe4	Kf2	29			19			
10	Qd3	Kg2	30			20			
11	Qe3	Ke2	31			21			
12	Qf3	Kg1	32			22			
13	Qe2	Kh1	33			23			
14	Kd6	Kg1	34			24			
15	Ke5	Kh1	35			25			
16	Kf4	Kg1	36			26			
17	Kg3	Kh1	37			27			
18	Qf1	Kh1	38			28			
19			39			29			
20			40			30			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (JUDITH)	
XU Wen				Aishath Noya Shukurudheen Sharaf				Tang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Kholova Amal		Pan Xi		TJK		CHN		1		0	
1		21		22		23		24		25	
2		22		23		24		25		26	
3		23		24		25		26		27	
4		24		25		26		27		28	
5		25		26		27		28		29	
6		26		27		28		29		30	
7		27		28		29		30		31	
8		28		29		30		31		32	
9		29		30		31		32		33	
10		30		31		32		33		34	
11		31		32		33		34		35	
12		32		33		34		35		36	
13		33		34		35		36		37	
14		34		35		36		37		38	
15		35		36		37		38		39	
16		36		37		38		39		40	
17		37		38		39		40		41	
18		38		39		40		41		42	
19		39		40		41		42		43	
20		40		41		42		43		44	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Kholova Amal		Pan Xi		TJK		CHN		1		0	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Kholova Amal		Pan Xi		CHN		TJK		1		0	
1		21		22		23		24		25	
2		22		23		24		25		26	
3		23		24		25		26		27	
4		24		25		26		27		28	
5		25		26		27		28		29	
6		26		27		28		29		30	
7		27		28		29		30		31	
8		28		29		30		31		32	
9		29		30		31		32		33	
10		30		31		32		33		34	
11		31		32		33		34		35	
12		32		33		34		35		36	
13		33		34		35		36		37	
14		34		35		36		37		38	
15		35		36		37		38		39	
16		36		37		38		39		40	
17		37		38		39		40		41	
18		38		39		40		41		42	
19		39		40		41		42		43	
20		40		41		42		43		44	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Kholova Amal		Pan Xi		CHN		TJK		1		0	